

TÂN - VẤN

NGUYỆT-SAN NGHIÊN-CỨU, PHÊ-BÌNH, SÁNG-TÁC

năm thứ hai • bộ 11 • số 13 • tháng 5 năm 1969

• TIỂU-LUẬN :

1. Huyền-thoại Việt-nam *Trần Ngọc Ninh*
Tìm hiểu huyền-thoại dân-tộc
qua huyền-thoại-học so-sánh
13. Thế chân vạc của ngôn ngữ *Đào Mộng Nam*
văn-tự Việt (liếp theo) *và Nguyễn Tiến Văn*
25. Một vấn-đề văn-chương hiện-đại : *Tam-Ích*
văn-chương trắng, văn-chương... vắng
là văn-chương gì ?
38. Nghiên-cứu về *Đàm Quang Thiện*
« Chinh-phụ-ngâm » để làm bài
giảng-văn về toàn-diện tác-phẩm
53. Việt-ngữ có chính-xác không ? *Trương Văn Chỉnh*

• SÁNG-TÁC :

67. Sầu mây, truyện dài *Doãn Quốc Sỹ*
81. Nữ thần hôm qua, thơ *Vũ Hoàng Chương*
83. Qua cơn nắng lửa, truyện ngắn *Trùng-Dương*

• ĐỌC SÁCH :

103. Đọc « Một cách buồn phiền » *Trần Hữu Thục*

• BÌA : « TÌNH-VẬT » TRANH DUY-THANH.

TÂN - VẤN

số 38 đường Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn

điện-thoại : 23.595

- Xuất-bản do giấy phép số 358/NTGĐTTBC, ngày 28/3/1968
- ★ Chi - phiếu, bưu - phiếu đề tên ông Nguyễn - đình Vương
- Thư-từ, bản - thảo, ấn - phẩm, đề tên ông Trần Phong - Giao
- ★ Giao - thiệp trực-tiếp về mọi việc xin hỏi ông Gia - Tuấn

TRẦN NGỌC NINH

HUYỀN-THOẠI VIỆT-NAM

Tìm hiểu Huyền-thoại dân-tộc
qua Huyền-thoại-học so-sánh

Từ đêm tối của thời thái cổ, còn truyền lại cho chúng ta ngày nay những di vật và di ngôn của Tiên Tổ.

Trong các tầng đất sâu ở hang núi và bãi biển, khoa cổ sử đã đem lên ánh sáng những vật nhân tạo chôn vùi cạnh những di hài đã bốn, năm ngàn năm xưa. Những di tích vật chất ấy làm thành một dòng văn hóa gần như liên tục, từ kỹ nghệ trung thạch Hòa-bình, Bắc-sơn tới kỹ nghệ tân thạch Đa-bút, Sa-huỳnh và kỹ nghệ đồ đồng Cổ-loa, Đông-sơn. Hơn hai mươi thế kỷ tiền sử, hơn hai mươi thế kỷ tranh đấu để khắc phục thiên nhiên, bảo vệ nòi giống, xây dựng văn hóa, vun đắp tín ngưỡng : cái rìu bằng đá mài đã thành ngọn mác và mũi tên bọc đồng, những đồ gốm, bình, chậu, vại, đã xuất hiện để đánh dấu từng giai đoạn kỹ thuật và nghệ thuật, những trống đồng, chân nến tại Ngọc-lữ, Đông-sơn, là dấu hiệu của những tín ngưỡng phức tạp về linh hồn. Đó là những di vật chứng tích của cuộc sống hùng mạnh, sáng tạo và biệt lập một phương trời của lân tộc Việt từ đời Thái-cổ.

Nhưng không phải chỉ có những di vật mà đất ấp ủ để trao cho ta ngày nay. Từ ngàn xưa còn truyền lại trong dân gian những huyền thoại là những di ngôn của Tiên Tổ.

Thái độ của người đời nay trước các huyền thoại là một thái độ nghi ngờ dè dặt. Người ta cho là hoang đường, huyền hoặc; nghĩ rằng huyền thoại chỉ là những sự bịa đặt lông bông của những trí tưởng tượng ấu trĩ và phi lý. Áp dụng những cách suy luận chỉ có cái bề ngoài là khoa học, nhưng thực ra chỉ là những lý luận chủ quan sơ đẳng, người ta đi tìm những « sự thực » ẩn sau các huyền thoại: khi thì cho rằng các vĩ tích huyền thoại có thực nhưng đã bị dân gian ảo hóa cho thêm ly kỳ; khi thì cho rằng các nhân vật huyền thoại thực ra chỉ là hình ảnh nhân hóa của mặt trời, mặt trăng hay một tinh vân, một thiên tượng nào đó. Các nhà nho của ta cũng như các nhà triết của Hy-lạp cổ, còn nhân danh một thứ luân lý hủ lậu và hẹp hòi mà chọn lọc hay sửa lại các huyền thoại, như Xénophane và Platon chê Homère, như Khổng-tử san định Thi Thư, gọt rũa lại những chuyện Nghiêu-Thuấn-Vũ, như Lý Tế Xuyên và Trần Thế Pháp kể lại những sự tích u linh quái dị của Việt-nam, nhưng chỉ ghi những vĩ tích được coi là « thông minh chính trực » theo quan niệm nhà Nho,

Nhưng các huyền thoại, công trình sáng tác chung của dân tộc từ thuở sơ khai, đâu có thể để cho một vài cá nhân phán xét và sửa chữa được? Huyền thoại chính là lịch sử linh thiêng của dân tộc, là lý do của nền văn hóa, là chân lý tối cao của cuộc sống, là di ngôn của Tổ Tiên để lại cho muôn đời về sau. Những người sửa lại huyền thoại không những đã làm mất một phần sự bí hùng chứa đựng trong các huyền thoại, mà còn phá hủy những cơ cấu khả dĩ cho ta hiểu được một phần nào

những ký hiệu và tượng trưng mà người xưa muốn truyền lại cho ta.

Huyền sử của ta bắt đầu từ đời Hồng Bàng (1). Sinh ra họ Hồng Bàng là một Thần-nhân thuộc dòng dân Lạc và một người con gái dòng dân Âu. Dân Âu là một sắc dân ở miền Nam núi Ngũ-lĩnh mà trong huyền sử chỉ nói tới hai lần: bắt đầu là với Âu Cơ, mà Đế Lai đã lấy nhưng Lạc Long-quân cướp lại và chịu theo Lạc Long-quân: một sự phối hợp ngoại tộc mở đầu cho một sự giao hiếu lâu dài giữa hai sắc dân. Và một lần nữa, sau này, khi họ Hồng-Bàng mất về An Dương Vương, Lạc-Việt hợp lại với Tây-Âu mà thành Âu-Lạc. Dân Âu nay là gì? Dân Tây, dân Choang, hay dân Mường, hay một sắc dân nào nay đã hoàn toàn là dân Việt? Nhưng quan trọng hơn nữa là câu hỏi: Vì đâu mà có huyền thoại Âu Cơ với Lạc Long? Đó là một chuyện để răn bảo dân Lạc cũng như dân Âu không bao giờ được sát hại nhau, vì Lạc với Âu đã gả con cho nhau, dân Lạc với dân Âu là đồng bào với nhau, và con trai Lạc với con gái Âu phải bắt chước tổ tiên mà lấy nhau đời đời.

Nhưng đến đời Hùng-Vương (2) cuối cùng, một sự đồ

(1) Hồng-bàng cũng nghĩa với Hồng-thủy. Hồng-bàng-thị, là một triều mà sử gia Ngô Sĩ Liên đã đặt ra, để bao gồm tất cả thời kỳ khởi thủy từ trận Hồng-thủy cho tới lúc rặng đông của lịch sử, là sự thành lập nước Âu-Lạc.

(2) Ở đây, tôi dùng chữ Hùng-Vương thay vì Lạc-Vương, vì Lạc-Vương là một danh từ chung, có nghĩa là vua xứ Lạc. Vua Lạc, theo huyền thoại, lấy chữ Hùng làm hiệu. Hùng không là họ, vì theo mẫu-hệ.

Tôi rất nghi ngờ những lập luận gần đây, cho rằng các cụ ta ngày xưa đã chép lầm chữ Lạc ra chữ Hùng. Không có lý do gì để nghĩ rằng Trần Thế Pháp hay Ngô Sĩ Liên dốt chữ nho hơn người đời nay. Sự kiêu ngạo chê bai người khác là đã «chữ tác đánh»

võ đã xảy ra : con vua Tây-Âu cầu hôn với Mị-nương đã bị vua Hùng từ chối, có lẽ vì vua Tây-Âu khi ấy không thực là người Âu mà là người Thục, đã di chuyển từ miền Tứ-xuyên xuống, dưới áp lực của nước Trung-hoa cuối Chu, đầu Tần. Đó là Thục-vương Phán. Bởi thế nên Thục-vương Phán đã khai chiến với dân Lạc. Dân Âu thắng dân Lạc, nhưng khi anh em đánh giết lẫn nhau thì tất sẽ mất nước. Cuộc nội chiến thứ nhất giữa hai bộ lạc gốc của dân Việt đã dọn đường cho Triệu Đà nhà Tần sang chinh phục nước ta, mở đầu một thiên-niên-kỷ Bắc-thuộc. Ca dao của ta còn nhắc lại những lời dặn căn bản từ thuở khai thiên lập địa của dân ta :

- *Bầu ơi, thương lấy bí cùng,*
Tuy rằng khác giống nhưng chung một đàn
- *Khôn ngoan đá đáp người ngoài*
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.



— Một số huyền thoại Lạc-Việt còn được kể lại dưới một vài biến thể bởi các dân tộc miền Thượng-du và Trung-du Bắc-Việt và được coi là những huyền thoại dân tộc của những sắc dân ấy. Người Lạc-Việt có tổ là Lạc Long, thì người Mường cũng có Lang Đa-Cần, người Thái có Tao-Ngân, người Mán có Phù-Huy ; người Lolo hay người Kha tuy không để lại tên của vị Thần-nhân thủy tổ của dân tộc, nhưng cũng kể lại những chuyện tương tự. Tất cả các huyền thoại ấy đều nói rằng

→ chữ *tộ* » chính là một nguyên nhân lớn làm tam sao thất bản, chứ chẳng phải chỉ có sự dốt nát của kẻ chép sách.

Dầu sao thì dân tộc đã chấp nhận tên Hùng-Vương. Lấy sử liệu mà sửa chữa huyền thoại là một việc mà tôi nghĩ là vô lý.

người Nam và người Nữ đầu tiên đã lấy nhau và sinh ra một trái bầu, và từ trái bầu ấy đã nở ra một trăm người con là gốc tích của tất cả loài người ở khu vực này.

Khi sưu tầm những huyền-thoại do dân gian truyền lại, Trần Thế Pháp (3), vào khoảng thế kỷ thứ 14, 15, đã tự ý bỏ bớt đi tất cả những chuyện của thời khai thiên lập địa và không nói gì đến trận Hồng-thủy, chỉ vì vào thời ấy thì các nhà nho của ta đã hoàn toàn theo những thuyết của Trung-hoa, ghi lại trong kinh Thư và kinh Thi, mà cho rằng miền Nam Ngũ-lĩnh *không* bị nạn Hồng-thủy. Lại sửa chữa lại một vài điểm trong thần thoại cho văn vẻ, *trái bầu* thì đổi là *cái bọc* hay « *bào* » theo chữ Hán, và dùng những chữ « *quán* », chữ « *cơ* », để nói rằng người Thần đất Lạc là một người lãnh đạo (quân), đã lấy một cô gái đất Âu (cơ). Nhưng rồi đời sau, người ta tưởng rằng đây là những tên người thật ! Theo những thần thoại cổ thì Lạc Long, hay vị Tổ đời thứ nhất của dân tộc, phải là một người đầy trí đức, đã được Trời cứu khỏi nạn Hồng-thủy để lập nên một nước mới. Theo truyền thuyết của Trung-hoa thì trận Hồng-thủy xảy ra cuối đời vua Nghiêu, đến đời vua Thuấn thì ông Vũ mới bình trị được. Kinh Thư còn có câu : « Hồng thủy ngất trời ! Mệnh mông bọc núi, trùm gò ! Dân dưới mê man, chìm đắm ». Như vậy thì nói rằng Lạc Long-quân cùng thời với vua Nghiêu, và là cháu của Thần Nông cũng không phải là sai lắm. Nhưng sự ngửa cổ hướng về phương Bắc, cho rằng dân Việt phải là dòng dõi Tam Hoàng qua sự liên hệ với Kinh Dương Vương Lộc Tục, thì rõ ràng chỉ là một chuyện đặt ra khi nền văn hóa Trung-hoa đã bao trùm đất Việt. Đó là một điều ta phải minh định lại để ý nghĩa nguyên thủy của huyền sử được rõ ràng.

(3) Lĩnh Nam Chích Quái.

Giống người ở đây trong thời nguyên thủy, mà ta gọi là người Lạc, nhưng có thể là Âu và tất cả những đồng bào sơn cước của ta, đều cho rằng có một vị Tổ chung mà sau này mỗi sắc dân gọi bằng một tên khác. Những sự tương đồng lớn nhất là giữa thần thoại Lạc Việt và thần thoại Mường còn truyền tụng ngày nay.

Thần Lạc Long đã khai phá hỗn mang, trừ các yêu quái, để tạo cho dân tộc một không gian sinh tồn. Người dân Mường kể lại rằng Lang Đa-Cần chiến thắng Hoa tinh và lập nên công ước của dân Mường. Trong truyền thuyết của dân Việt, Lạc Long-quân lập được ba vĩ tích, giết Ngư-tinh, giết Hồ-tinh, và đánh bại Mộc-tinh.

Sự giết Ngư-tinh mở đầu cho sự tổ chức vũ trụ. Ngư-tinh là một con cá lớn đã thành tinh, sống ở biển, ăn thịt người. So sánh với các huyền thoại khác, Ngư-tinh cũng như con rồng Tiamat, hiện thân của Hỗn-mang nguyên-thủy trong thần thoại Babylon, và cũng như con rắn Naga hay con rồng Vaitha của dân Ấn-Âu. Lạc Long tay cầm một cái lao nung đỏ, đi thuyền mà tấn công con quái vật. Ngư-tinh há miệng để nuốt con người táo bạo, nhưng bị mũi lao phóng ra đâm trúng họng. Cuộc giao chiến kéo dài ba ngày đêm. Ngư-tinh bị chém, máu chảy chan hòa, làm cho sông biển đỏ ngầu từ đó. Xác con quái bị chặt ra làm ba, khúc đuôi bị chặt đứt và bị lột da căng lên thành một hòn đảo giữa biển, nay gọi là Bạch Long Vĩ. Phần còn lại hóa thành một con hải cẩu định trốn, nhưng bị Lạc Long đuổi và chém theo một nhát đứt làm đôi, cái đầu thành một hòn núi đá, tục danh là Núi Đầu Chó, còn khúc giữa trôi dạt ra xứ Mạn-cầu, ngày nay được gọi là Cầu Mạn Cầu.

Nhìn qua khía cạnh cơ cấu pháp, có lẽ sự cầm cái lao nung đỏ phóng vào họng con Cá hóa tinh là điều

quan trọng nhất trong huyền thoại này. Cách nướng cá ngày nay của với người Việt và nhất là người ven biển, là một sự bắt chước thần Lạc-long, để khắc phục Tinh Cá. Từ sự ăn sống nuốt tươi, người dân cổ sơ của đất Việt đã chuyển sang một đời sống có văn hóa, dùng lửa để biến đổi thiên nhiên trong việc ăn uống.

Nhưng không phải chỉ có thế.

Mỗi năm, vào ngày đầu năm, dân ta ngày nay vẫn còn giữ tục «múa lân». Con «lân» đây thực ra là con quái vật hiện thân của Hỗn-mang nguyên-thủy, mà Lạc Long-thần đã chiến thắng bằng uy vũ. Mùa xuân mới là lúc vạn vật tái tạo, nên phải diễn lại huyền thoại cũ để đặt trật tự của vũ trụ trên những nền tảng được truyền lại từ đời Tiên Tổ. Nhưng ý nghĩa của phong tục này đã nhạt đi dần dần, qua một ngàn năm Bắc thuộc, với những lễ nghi mới của tín ngưỡng Trung-hoa (lễ giao thừa, bánh pháo, cây nêu, tiết Hàn-thực...) và của Phật-giáo (cái khánh).

Trẻ con Việt-nam cũng vẫn còn giữ lại một trò chơi để nhắc nhở tới vĩ tích đầu tiên của thần Lạc Long. Đó là chơi Rồng Rắn. Rồng Rắn là một con quái vật, giả dạng một con vật hiền lành để qua mắt ông Thầy-thuốc, tức là Pháp-sư. Nhưng Pháp-sư đã nhận thấy chân tướng của quái vật. Cuộc đối thoại bắt đầu.

Pháp-sư (một em, lớn tuổi) hỏi : — Rồng Rắn đi đâu ?

Rồng Rắn (ba em hay nhiều hơn, dùng tay ôm ngang lưng nhau thành ba khúc) :

— Rồng rắn đi mua thuốc cho con.

P. S.— Con lên mấy ?

R. R.— Con lên một.

P. S.— Thuốc chẳng ngon.

(Cứ thế mãi cho lên tới con lên mười). . .

P. S.— Thuốc ngon vậy. Cho tôi xin khúc đầu.

R.R.— Những xương cùng xẩu !

P.S.— Cho tôi xin khúc giò.

R.R.— Những máu cùng me !

P.S.— Cho tôi xin khúc đuôi.

R.R.— Tha hồ mà đuôi !

Pháp-sư đuôi bắt khúc đuôi, Rồng Rắn chống lại, nhưng trong cuộc giao tranh, khúc đuôi bị đứt và Pháp-sư rượt theo nắm được. Bọn trẻ đổi nhau và cuộc chơi lại bắt đầu. Đó là tấn kịch bắt chước việc Lạc Long giết con Ngư-tinh.

Vĩ tích thứ hai của thần Lạc Long là sự trừ khử Cửu-vĩ Hồ-tinh (Tinh cáo chín đuôi).

Con Hồ-tinh này tu đã cả ngàn năm trong một cái động ở Long-biên. Nó tác quái suốt một dọc từ sông Hồng xuống núi Tản. Thần Lạc Long đánh và giết nó, rồi phá hủy sào huyệt của nó bằng cách dẫn nước sông Cái vào động cáo. Nước sông xoáy mạnh, làm sụt hòn núi đá xuống và đào thành một cái đầm gọi là Lỗ Hồ Đầm (Đầm con cáo), tức là Hồ Tây. Cạnh đầm, nay còn một làng gọi là làng Hồ, tức là làng con cáo.

Ý nghĩa của vĩ tích này không rõ. Những tin tưởng «Cáo thành tinh» có ở miền Bắc Trung-hoa từ đời Thương, nhưng về phía người Việt thì ta không biết. Đây có lẽ là một kỳ công được thêm vào về sau, để nói rằng nếu nhà Hạ bên Tàu đã mất ngôi vì một con Hồ-ly-tinh (Đắt-Kỷ), thì ở Việt-nam, thần Lạc Long đã diệt được Hồ-tinh mà cứu dân dựng nước. Hoặc giả đó là một truyền thuyết của riêng một thị tộc người Lạc sống ở vùng Long-biên. Tục ngữ «mèo già hóa cáo, cáo già thành tinh» là một câu nói có tính cách thực tiễn. Sự nuôi gà làm gia súc ăn thịt bắt đầu trong thời Tân-thạch, khi người ta biết trồng lúa gạo và theo những chuyện cổ tích xưa, hạt thóc tự bò về nhà khi lúa chín. Những hạt lúa thừa đã vương

vãi cám đỗ những con gà rừng yếu ớt nhất bay tới, và người ta đã bắt chúng lại để ăn thịt dần. Lâu ngày, rừng rậm khai quang, đời sống tổ chức, giống gà nhà xuất hiện. Nhưng những tin tưởng về yêu tinh Gà-trắng và Tinh Cáo vẫn làm cho dân Việt sơ khai run sợ.

Vĩ tích thứ ba là chiến thắng Mộc-tinh. Vĩ tích này có nhiều điểm tương đồng với cuộc chiến thắng Hoa-tinh của Lang Đa-cần trong huyền thoại Mường. Vì thế, có thể cho rằng vĩ tích này thực có từ nguyên thủy. Mộc-tinh là con tinh của cây Chiêu-dàn, một cây cổ thụ có từ không biết bao nhiêu năm ở đất Phong-châu. Tục truyền nói rằng nó ăn thịt người và đã giết hại dân gian vô kể. Sự cúng thần cây bằng sinh mệnh là một tục lệ có ở rất nhiều dân tộc cổ sơ, và có lẽ Mộc-tinh chỉ là một tín ngưỡng thế lực ở một vùng Châu-thổ. Sự tích kể rằng Thần Lạc Long đã đánh đuôi Mộc-tinh, điều đó có nghĩa là bọn pháp sư thờ Mộc-tinh đó phải trốn chạy trước những tín ngưỡng cao hơn của người Lạc Việt.

Thực ra Lạc Long-quân chiến đấu với Mộc-tinh liên mấy ngày đêm, — nghĩa là trong rất lâu ở thời đại huyền sử, — mà không phân thắng bại. Lạc Long-quân phải cầu viện Kinh Dương-vương. Có thể nghĩ rằng đây là sự cộng tác đầu tiên giữa người Việt ở phương Bắc và người Lạc ở phương Nam không ? Lạc và Việt tự đó là một. Sự hỗ trợ của Kinh Dương-vương đã giúp cho Lạc Long-quân thắng Mộc-tinh. Con yêu này chạy về phía Tây-nam rồi thành quỷ Xương-cuồng, tiếp tục bắt dân cúng máu người sống, cho đến sau này, dưới thời Bắc-thuộc, mới được một thầy phù thủy Tàu diệt hẳn.

Thần thoại Mường kể rằng con Hoa-tinh quấy nhiễu dân Mường, đã ăn thịt cả người anh của Lang Đa-Cần. Các tù trưởng Mường kéo nhau lại tận Hang Đá Lôi-Vang (hay Nàng-Vang) để cầu Đa-Cần xuống cứu. Đa-Cần đã

ra điều kiện, tức là công ước đầu tiên cho dân Mường : những liên hệ giữa người lãnh đạo và dân được qui định, sự chia hoa lợi sản bản và cấy cày, sự cung cấp cho quan Lang được đặt ra rành rẽ, và dân Mường thề theo đúng lời ước. Chức quan Lang từ đó được đặt ra, lấy tộc danh của Lang Đa-Cần làm tên gọi.

Lang Đa-Cần đem quân đi đánh Hoa-tinh nhưng cũng bất phân thắng phụ. Lang Đa-Cần phải nhờ đến một thầy pháp mà dân Mường gọi là thầy mo, một danh từ gốc ở tiếng nguyên Mã-lai : người Mã-lai ngày nay còn gọi các thầy pháp và thầy chữa của họ là *bomoh*. Thầy Mo giúp Lang Đa-Cần là Không Chi-khò, dùng chín ngọn cỏ bạch, chín ngọn cỏ cai và chín ngọn cỏ dong để làm phép hóa giải các thuật của Hoa-tinh. Nhờ thế Lang Đa-Cần đã đánh gãy hai chân của Hoa-tinh. Hoa-tinh bị thua, thành một khúc tre.

Thần thoại Mường còn kể đến đời con của Lang Đa-Cần là Rịt-Rằng, đi tìm gỗ của cây Chu-đồng để làm nhà. Cây Chu-đồng ở một miền rất xa, là một cây cổ thụ cao lên đến trời, gió thổi qua làm ra những tiếng vang âm u như sấm rền. Trong ca dao của ta còn nói tới cây này, mà ta lầm gọi là cây Ngô-đồng theo người Trung-hoa :

Cây Chu-đồng không trồng mà mọc

Rễ Chu - đồng rễ dọc rễ ngang.

Đó là một cây huyền thoại mà gốc tích cùng ý nghĩa cũng giống như cây Chiêu-đàn (theo cách phiên âm Hán-Việt), có lẽ phải tìm ở những dân tộc ngày nay đã thành dân Đại-Dương. Họ tin rằng khởi thủy của vũ trụ có một cái cây, là trung tâm của cả Trời Đất, thông thương ba giới Thiên-Địa-Nhân ; lá cây phát ra những tiếng vi vu là lời của Tổ Tiên, do đó đã tạo ra ngôn ngữ để làm trật tự cho loài người.

Việc đi tìm cây Chu-đồng là đầu đề của một dòng huyền thoại khác của dân Mường trong đó có sự tái sinh và biến thể của Cây Vũ-trụ : từ cây Chu-đồng, thành cây Song, rồi thành con quái Muông-ti-vi Tượng-Vương, nguồn gốc của nhiều tục lệ của người Mường. Công-ước nguyên-thủy của Lang Đa-Cần cũng được phân tích và bổ túc thêm qua những khúc của huyền tích.



Trở lại với thần thoại Việt-nam : những sự di chuyển, mà chứng cứ là sự hiện diện trong các trạm tiền sử Bắc-sơn và Hòa-bình của những hài cốt người không giống nhau về phương diện hình-thể nhân-chủng-học, đã được kể lại trong tích phân chia các con cái của Lạc Long và Âu-Cơ, kẻ đi về vùng biển, kẻ lên trên núi rừng.

Các thần thoại quanh vùng Hòa-bình — Trấn-ninh cũng tương tự như thế : từ một hay hai quả bầu (Thái, Kha...), hay từ một trăm cái trứng (Mường), đã nở ra những giống người, Mường, Mán, Mèo, Thổ, Lèo, Kha..., kẻ lớn người bé, kẻ nước da trắng, người ngăm ngăm đen, nhưng cùng chung cha mẹ, chỉ khác nhau ở cách sinh thành. Vậy một trăm người con đây không phải là Bách Việt, mà là những sắc dân sinh sống ở vùng này trước khi có người Việt nhập tịch. Ở phía Nam thì Hoành-sơn, Trấn-ninh là một giới hạn của khu vực huyền thoại « một bọc trăm trứng », còn về phía Bắc thì dân Tày hay Choang (Quảng-đông) còn thuộc vào khu vực này. Dân Việt khi ấy chiếm cả dải đất ở miền Nam sông Dương-tử. Nước Việt của Câu Tiễn với những cô gái giặt lụa bên bờ sông, giáp giới ngay với Sở và Ngô, là khu vực đã đồng hóa sớm nhất với văn minh Trung-hoa vào cuối đời Chu. Mân Việt ở vùng bề còn quấy rối trong đời Hán Quang Vũ. Người Nam-Man ở Vân-nam còn chưa thần phục

tôi đọc cách đây 15 năm, vào năm 1954) ; chữ *langage* chỉ ngôn ngữ quán lệ ; chữ *parole* chỉ ngôn từ ; chữ *littérature* chỉ văn học... ; chữ *style* chỉ bút pháp ; chữ *mot* chỉ tiếng — xin các giáo giảng sư đại học Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Hiến Lê, Trương Văn Chính, Nguyễn Bạt Tụy, giáo sư Phạm-thị Ngọc-Hoa giảng sư đại học đã tốt nghiệp Master of Arts về ngữ học (Linguistique), giáo sư triết học đại học Diệp Truyền Hoa chuyên về ngữ học, giảng sư đại học Lê Ngọc Trụ điều chỉnh cho chính xác những khái niệm về ngôn ngữ (linguistique) này cho.

Tuy là hiền biết về ngữ học có chừng, tôi cũng xin quả quyết ngay rằng : chữ *écriture* của Roland Barthes tuyệt đối không phải là bút pháp (style) — như Larousse ghi — mà là một thực thể ngôn ngữ (entité linguistique) ở vào giữa ngôn từ và bút pháp, có thể tạm gọi là ngôn pháp. (Or toute forme est aussi valeur ; c'est pourquoi entre la langue et le style, il y a place pour une autre réalité formelle : l'écriture. Trang 16). Theo Barthes, ngôn pháp mang tính chất một sự mạng xã hội — tương quan giữa sự sáng tạo của nhà văn và hướng biến-chứng xã hội ; và gắn liền với các biến chuyển lịch sử (Chữ còn bút pháp là sản phẩm của thời tinh — thời tinh của Heidegger ấy — và cá thể sinh thể (personne biologique) của tác giả). Roland Barthes có viết câu này ở trang 17 : « ... l'écriture est une fonction ; elle est le rapport entre la création et la société, elle est le langage littéraire transformé par sa destination sociale, elle est la forme saisie dans son intention humaine et liée ainsi aux grandes crises de l'Histoire. »

Chúng ta có thể lấy ví dụ : cách nhau một thế kỷ rưỡi kia, nhưng Fenelon và Mérimée (trong văn học sử pháp) viết cùng một ngôn pháp, trái lại thì Claudel và Camus tuy

cùng sống với nhau một thời đại mà ngôn pháp lại khác nhau chẳng hạn ; còn ở văn học sử Việt-nam chúng ta thì tuy xa nhau hàng bao nhiêu năm tháng, Chu Văn An và Lê Qui Đôn cùng viết một ngôn pháp trong lúc mà Hoàng Ngọc Phách và Nguyễn Hồng tuy cùng sống với nhau trên đất Thăng-long mới rồi, nhưng ngôn pháp lại gần là một trời một vực !

Tuy nhiên, ai có bút pháp của người nấy : cũng là tả một chuyện thương tâm có nước mắt, Nguyễn Mạnh Côn hấp dẫn, Võ Phiến duyên dáng, Túy Hồng ngắn, « trắng », « vắng » và lơ dờ và cuồn cuộn như nước sông Hương, ví vu và gắt như gió mùa hè núi Ngự-bình, Thụy Vũ tự nhiên và trữ tình như Một người xa lạ của Camus cộng với màu trữ tình duy nhiên (lyrisme naturaliste) rất phổ biến đầy thi vị ngắn và vắng — nghĩa là ai có bút pháp nấy, vậy thay ! Còn về ngôn pháp...

Chúng ta phải cho là Roland Barthes là rất có lý : chính ngôn pháp — đây, ngôn pháp — của chính Barthes cũng có pha một màu duy vật sử quan và một màu phân tâm ! Barthes còn cho là người ta còn có thể viết một cuốn sử về ngôn pháp — ngôn pháp sử : *histoire de l'écriture* cũng như người ta vẫn viết văn học sử, quốc ngữ sử, ngôn ngữ sử : nào ai cấm chúng ta viết riêng một cuốn *Sử về ngôn pháp Việt-nam* từ Cần-vương, Văn-thân cho đến hết Nguyễn Thái Học — nó có tính thần của nó, sự mạng xã hội và lịch sử của nó !

Còn cái chuyện ông Phan Đình Phùng viết theo lối phú, Phan Bội Châu viết theo lối biên ngẫu riêng, Nguyễn Thái Học viết theo lối chữ mắng năm đời cha ba đời ông thực dân — đó lại là một chuyện khác ! Ai muốn hành văn cách nào đó, tùy ý ! Nhưng ngôn pháp là một !

Bởi thế cho nên chúng ta lại thấy Roland Barthes có lý thêm một lần nữa : ngôn pháp chứa màu sắc luận lý.

(Barthes đã viết : Placée au cœur de la problématique littéraire, qui ne commence qu'avec elle, l'écriture est donc essentiellement la morale de la forme... Trang 18.) Nói một cách khác, *ngôn ngữ ngôn pháp*, nghĩa là *văn chương*, nó có tác dụng *tinh thần* của nó : một bài hịch Phan Đình Phùng chẳng hạn có sức mạnh của cả một cái đài phát thanh : khi nó *kêu gọi* thì là cả một tòa pháp đình, khi nó *kêu gọi* thì là cả một hội trống tiền tuyến !

3

Nhưng, nhìn tổng quát, thì cái gì ở trong cuốn sách ấy, và Barthes đặt vấn đề gì ở trong ?

Thực ra, Barthes không thể đặt *vấn đề* gì rõ ràng — bởi vì đặt *vấn đề* gì thì phải *giải quyết* vấn đề !

Trong sách, Barthes dùng lăng kính *cơ cấu* — hơi hơi mà thôi, chưa rõ ràng là *cơ cấu* — để làm một công đôi ba việc : *nhìn* qua một lượt về sự hiện hữu của văn chương *tiểu thuyết*, của *văn vần* (là *thơ* ấy), của văn chương *màn nhung*... trong *thời gian*, rồi Barthes làm cái việc của một nhà phóng sự — pha màu « ký sự » về lịch sử — đồng thời Barthes khơi *vấn đề* tương quan giữa *ngôn pháp sử* và *xã hội sử* ; nói một cách khác : giữa lịch sử các ngôn pháp (histoire d'une écriture) và lịch sử các xã hội (histoire des sociétés), có *hỗ-tương-tính* mật thiết !

Thì ra, Barthes đã dùng lăng kính *duy-vật sử* quan — như đã nói ! Heidegger xưa kia, cũng cho là đã « ly dị » với từ Platon cho tới Bergson, và đã loại hết các « phạm trù » triết học cổ điển, mà còn vương một chút Karl Marx — tình vi quá nên không ai chịu thấy đó thôi — huống gì Barthes : Barthes có mượn một màu vốn Karl Marx và Sigmund Freud, nào có gì mà phải *hỗ* thẹn !

Xin nói lại : Barthes dùng lăng kính của *sử gia ngôn ngữ văn chương* (histoire du langage littéraire), Barthes dẫn người đọc sách vào giữa *vấn đề* : thực ra, ông cũng không đề nghị một thứ quan điểm nào mới mẻ, nhưng ông dùng *tinh thần* chính xác của khoa học để moi cho ra *tại sao* mà ngôn ngữ lại có, và có thì nó có ra làm sao ! Và cùng với lăng kính *sử gia*, Barthes dùng một *lợi khí cơ cấu* chưa thành hình hẳn — hồi đó *cơ cấu luận* ra đời, mẹ chưa tròn mà con chưa vuông ! Mỗi ngày nay, *cơ cấu luận* mới có lông cánh vững vàng đấy chứ !

Trước hết, Barthes nói « giáo đầu » về *ngôn pháp* ; rồi Barthes làm nhà khảo cổ — đây, *archéologie du savoir* ! — nói về ngôn ngữ văn chương (langage littéraire) đồng thời nói về *ngôn từ*, *bút pháp*, *ngôn pháp*. Theo Barthes, ngôn từ là một « dụng cụ » có tính chất xã hội, trái lại *bút pháp* là chuyện cá nhân hẳn — văn Nguyễn Tuân kênh kiệu như tâm hồn Nguyễn Tuân ; văn Vũ Trọng Phụng hẳn học, tha thiết và *duy nhiên* như tâm hồn hẳn học của Phụng đối với cái xã hội bất công quá, nhớp quá, thúi quá : *bút pháp* là gì nếu không phải là kích thước dọc và cô đơn của ý thức cá nhân (la dimension verticale et solitaire de la pensée) ; nói một cách khác, *bút pháp* chỉ là một thực thể chứa ẩn dụ tính, chỉ là một phương trình...và một dung tích của *thời tính* — *thời tính* của Bergson và của Heidegger ấy ! (Cái câu của Barthes như thế này : Le style n'est jamais que métaphore, c'est-à-dire équation entre l'intention littéraire et la structure charnelle de l'auteur — il faut se souvenir que la structure est le dépôt d'une durée.)

Và Barthes, khi nói về ngôn pháp, nói rằng ngôn pháp thể hiện một đoàn-kết-tình lịch-sử (Về ý của Barthes, Barthes viết : *Langue et style sont des forces aveugles ; l'écriture est un acte de solidarité historique*). Thật là cơ khổ : nếu dịch câu của Barthes ra thì phải dịch như thế này : *ngôn từ và bút pháp là những lực lượng mù ; ngôn pháp là một tác động về đoàn kết lịch sử*. Mà dịch như vậy thì chỉ có một tác dụng là làm cho Barthes trở nên khó hiểu thêm ! Thì thôi : Xin nói lấy ý !

4

Ấy thế là thế nào Barthes cũng đến cái chỗ Barthes định đến : *ngôn pháp và lịch sử* tương quan — tương quan ngang hay tương quan dọc, đều là *tương quan* ; và đi xa một chút, ngôn pháp có thể là sản phẩm của lịch sử ! Barthes khôn đáo đề : Barthes không muốn trắng trợn rơi vào hố *duy vật biện chứng*, Barthes nói về các ngôn pháp của văn học Pháp và các giai đoạn *lịch sử* Pháp, đề rồi đi vào cái vấn đề mà đến chúng ta là ở xa tầm tắp mà cũng thấy hay hay — nghĩa là coi như vấn đề của mình —, mà phải đề ý — đề ý đến Barthes, đến sách Barthes, đề ý trích văn Barthes, dùng ngôn ngữ của Barthes, nhất là thành ngữ *văn ở độ không*. — *l'écriture au degré zéro*.



Một hướng lên vun vút của tinh thần cách mạng, một sự phá sản ngấm ngấm của giai cấp tư sản, những cuộc khủng hoảng xã hội liên tiếp, những dự tính xáo trộn lịch sử... hai cuộc thế chiến khủng khiếp đến cực độ... biết bao nhiêu là chuyển mình và biết bao nhiêu

là khủng hoảng mở ngõ cho bóng dáng thấp thoáng của những cuộc phá sản văn hóa — và lôi kéo những biến chuyển của ngôn pháp (kể cả bút pháp) *tả chân* (réalisme) *duy nhiên* (naturalisme) tượng trưng (symbolisme) siêu thực (surréalisme)... đã tính đóng những vai trò văn hóa lớn trong lịch sử ! Barthes lôi ngôn-bút-pháp Balzac, Flaubert, Rimbaud, Lautréamont, Eluard, vân vân, ra vành móng ngựa của *lịch sử xã hội* !

Khủng hoảng !

Vậy đâu là lối thoát ?

Gần một thế kỷ chập chờn dẫn *văn giới* đến một ngã ba đường : phải *giải quyết* ! Giải quyết cho được các vấn đề có tính chất nghi vấn và nạn văn — chữ pháp là *problématique* !

Theo Barthes, đã có hai hướng :

Một hướng là do Camus cầm cờ tiên phong, nếu có thể nói thế : dùng ngôn pháp trắng (*écriture blanche*), ngôn pháp ở độ không (*degré zéro*) — thực ra, theo tôi, văn « trắng » chỉ là biến thể của giọng giống *duy nhiên* — một thứ ngôn pháp vô tội vạ, vô thưởng vô phạt (*écriture innocente*) — một thứ văn chương của người đứng đưng nói chuyện một cách đứng đưng, bằng một thứ « bút pháp » (tôi đề vào ngoặc kép) đứng đưng ! Mà thật : văn Camus trong *L'étranger* thật là một thứ văn đứng đưng ! Nào : đứng trên sân khấu văn hóa lịch sử, phóng tầm thị giác ra : ngoảnh qua tả thì là không khí độc tài, ngoảnh qua hữu là không khí đế quốc quân phiệt, trước mặt có một cuộc tàn sát ghê gớm khủng khiếp của đệ nhị thế chiến, sau lưng là một « bờ tường » — *le mur chông hạn* — của Jean-Paul Sartre... Vậy chứ không đứng đưng thì dứt đầu vào *khí hậu văn hóa* nào bây giờ : xử dụng lợi khí *ngôn pháp* nào cho « bàn tay khỏi nhớp » kia chứ hỡi trời !

Thì *dừng dừng* vậy ! Chắc Barthes nghĩ : có lẽ Albert Camus cho đó là một lối thoát đó hay chẳng !

Hương thứ hai là do Céline, Raymond, Queneau, hay Jacques Prévert : họ đi thẳng vào đời sống, họ đem *ngôn ngữ văn chương* của họ hòa vào *ngôn ngữ xã hội* (langages sociaux) : cho nó đục đục mờ mờ một chút — Barthes dùng chữ *opaque* !

Ngôn pháp trắng — ở độ *không* — hay ngôn pháp « đục », thì cũng đều là xóa cái bóng dáng của tính chất *mỹ miều* của văn chương tự thuở Corneille viết *Le Cid* ! Và Camus và Prévert tính thay vào cái *mỹ miều* và diêm dúa của văn chương tự thuở xa xưa, một thứ văn chương — đúng ra là *ngôn pháp* — phổ biến. (Ở ta, Nguyễn thị Thụy Vũ, Sơn Nam và Trần Quang Long của *Mụ Lê*, có thể làm việc này) — *phổ biến* nghĩa là ngôn pháp nói, ngôn pháp *bình giản* (mà rất nhiều thi vị) ngôn pháp của mọi thời, của mọi người, của mọi đời, của người trí thức và người quí tộc thưởng thức, của kẻ mặc váy đọc, mà của ai ai mặc mini-jupe đi học các trường trung học, cũng trầm trồ và cũng đọc cả ! Tôi thêm Túy Hồng !

Khốn một nỗi, theo Barthes, thì một nền ngôn pháp như vậy phải là một nền ngôn pháp dựng ngoài *lịch sử* — nghĩa là ngoài thời gian : ngôn pháp *trắng* sẽ « phản bội » sử mạng của nó — vô tội mà thành có tội cho mà coi : nhà văn không đặt vấn đề *hình thức* (đối với *nội dung*)

nữa, nhưng nếu thế là nhà văn mang một thái độ tri thức mới — và tù hãm trong đó !

Nói như là nói đùa : ngôn pháp trắng không trắng nữa mà là có... màu ! (*Chúng ta phải cho là Barthes lo xa như vậy là có lý !*) Ngày xưa Paul Eluard có nói là thi nhân phải nói tiếng nói của muôn muôn vạn vạn người — của hết cả, của hết thấy, của tất tất...

Muốn thế là hay tuyệt đấy, nhưng khốn một nỗi : *con người ta không thể thoát ra ngoài văn chương ! bằng ngôn văn chương !*

Ấy thế là Barthes đặt vấn đề rồi cũng bí như thiên hạ : ngôn pháp trắng ở độ không và ngôn pháp « đục », đều không làm tròn sứ mạng của chúng : không lẽ cách giải quyết lại phải tìm ở ngoài « khí hậu » và « khung cảnh » *ngôn ngữ* và *văn học* ?

Chương !

Thì tìm nó ở trong *lịch sử* và trong *xã hội* — ủa ! Khó vậy thay !

Rồi Roland Barthes thử đặt lại vấn đề : một nhà văn muốn nói tiếng nói, muốn nói một *ngôn ngữ* của tất cả mọi người — tất cả, không có một bóng ngoại lệ nào — nhà văn ấy, muốn thế, chỉ có thể nói nó trong một xã hội *thuần nhất* (dịch tạm : *société universellement réconciliée*) nghĩa là Barthes muốn nói về một xã hội không còn có giai cấp, không còn có sai biệt — *nhất*, mà là *thuần nhất* kia ! Nói theo giọng Barthes, là phải đi từ ngôn ngữ « vong thể » (*aliénation du langage*) cho đến một thứ ngôn

ngữ tái-sáng-tạo mới và « vô tội » (recréation d'un langage neuf et innocent), *phối hóa* với nhân sinh và tuyệt đối phản ánh cái nhân sinh thuần nhất ấy!

Nhưng Barthes hơi khiếp : Barthes hơi sợ ! Barthes nghĩ : nếu quả tình có một thứ văn chương như vậy thì *văn chương* sẽ hết là *văn chương* — và *Lịch sử* sẽ hết là *Lịch sử* ! Trời hỡi !

Một khi mà loài người đã *thuần nhất* (monde réconcilié) đến cái mức đó, thì rồi, lúc ấy, sẽ có người tiếc rằng đã mất cả hai thứ : mất cả cái *thực thể* gọi là *văn chương*, mất luôn cả *Lịch sử* — không hề ?

Văn chương ở độ không của Camus ngày nay đó — kẻ cả văn chương « đục » của Prévert và Céline — chỉ là bóng dáng của một sự mơ ước : mơ ước rằng xã hội loài người *thuần nhất* sẽ nói và viết một thứ ngôn pháp « trắng » và « đục » !

Thì ra Barthes cũng chỉ đoán trong trí Camus và trí Prévert vậy thôi !

Cuối cuốn sách, Barthes nói Barthes cũng mơ ước như ai : *văn chương* sẽ là một thứ phương trình hạnh phúc của ngôn ngữ, người ta đương hưởng trên hưởng đi đến một thứ ngôn ngữ có trong mơ — trong đó ngôn ngữ không vong thể (... où le langage ne serait plus aliéné).

Nhưng viết xong sách, để kết luận cuốn *Ngôn pháp ở độ không* — cuốn sách thật là hay ! — Barthes dè dặt và nói bóng nói gió : *Văn học* sẽ là *ảo tưởng* của ngôn ngữ

(La multiplication des écritures institue une Littérature nouvelle dans la mesure où celle-ci n'invente son langage que pour être un projet : la Littérature devient l'Utopie du langage).

Chữ *projet* đây có nghĩa chữ *projet* của Heidegger. Thì đúng rồi !

Tuy nhiên, thói thường, mỗi một nhà văn, khi bị giải quyết vấn đề mình đặt ra, bao giờ cũng nói bóng nói gió đề xỉ xóa ! Barthes cũng như ai, cũng thế : xin mời bạn đọc kiểm sách Barthes mà đọc !

Thật là một cuốn sách có giá trị.

TAM-ÍCH

TRONG KHÓI LỬA
KHÔNG THỀ KHÔNG ĐỌC :

CON CHIM TRỐN TUYẾT

truyện Paul GALLICO

bản dịch Trần Phong-Giao và Hoàng-Ứng

GIAO-ĐIỂM xuất bản

*một mối tình thanh cao thơ mộng
lồng trong tình yêu nghệ thuật quê hương đất nước*

ĐÀM-QUANG THIÊN

NGHIÊN CỨU VỀ CHINH PHỤ NGÂM ĐỀ LÀM BÀI GIẢNG VĂN VỀ TOÀN DIỆN TÁC PHẨM

CHƯƠNG TRÌNH

CHINH PHỤ NGÂM, tác phẩm Việt-ngữ, được ghi trong chương trình Trung-học đệ Nhị cấp, ở lớp đệ Tam, môn Việt-văn : Văn học sử và Trích giảng (nhiều).

CHINH PHỤ NGÂM, tác phẩm Hán văn, được giới thiệu ở lớp đệ Tam Văn chương, và được học ở ban Cổ ngữ Hán tự, lớp đệ Nhị, môn Hán tự : Văn học sử và Giảng văn (Hoàng Việt thi tuyển).

Bài này chỉ cốt trình bày tác phẩm Việt-ngữ, nhưng cũng giới thiệu qua trước tác phẩm Hán văn như nguồn gốc của tác phẩm Việt-ngữ.

CHINH PHỤ NGÂM HÁN VĂN

I.— TÁC GIẢ : ĐẶNG TRẦN CÔN

Tiểu sử : Đặng Trần Côn, người xã Nhân-mục, gọi nôm là Mọc, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-dông, Bắc Việt.

Sống vào khoảng tiền bán thế kỷ 18. Năm 1740, đời Lê Hiến-tông, dưới quyền Chúa Trịnh, làm tri huyện Thanh-oai, cùng tỉnh.

Năm sinh và năm mất chưa rõ. Ông Hoàng Xuân Hãn đoán sinh vào 1715 và mất vào 1745, thọ chưa đến 40 tuổi.

Tiên sinh đồ Hương cống (như Cử nhân) ; học rộng, xem nhiều ; tính tình phóng khoáng.

Trước tác : Trước tác nhiều bằng Hán văn. Không thấy có tác phẩm nào bằng Việt văn được truyền lại.

Chinh Phụ Ngâm là văn phẩm chính. Ngoài ra, theo Tang Thương Ngẫu Lục của Phạm Đình Hồ (1768 — 1839), ông còn viết một bộ tiểu thuyết Bích Câu Kỳ Ngộ, 8 bài thơ Tiêu tương bát cảnh và mấy bài phú (chỉ chép đầu đề). Sách Truyền Kỳ Tân Phở của Đoàn Thị Điểm có chép phụ 3 truyện trong đó có Bích Câu Kỳ Ngộ hay Truyện Tú Uyên, phải chăng là của ông ? Ông Hoàng Xuân Hãn có trọn vẹn 8 bài thơ Tiêu tương bát cảnh (8 cảnh ở khu hợp hai bên sông Tiêu-tương, tỉnh Hồ-nam —Trung-hoa— do Tống Dịch vẽ, như Bình Sa Lạc Nhạn, Viên Phố Quy Phàm, v.v...)

II — TÁC PHẨM

Đại lược của ngâm khúc :

Chinh Phụ Ngâm là một trường thiên trữ tình của một thiếu phụ Trung-hoa trẻ, chồng là một vị lãnh tướng xuất quân từ kinh đô Hàm-dương, tỉnh Thiểm-tây, đi viễn chinh xa đã 5, 6 năm chưa về, ở vùng biên cương Tây-bắc Trung-hoa, chống lại các rợ Hồ, vào khoảng từ đời Tần, Hán, trở lại. Tác phẩm tả tất cả cái trạng thái tâm lý do cảnh biệt ly và phân ly đã gây nên cho người thiếu

phụ, trên một nền truyện anh hùng ca mà chinh phụ, một phần thuật lại, một phần tưởng tượng ra, để làm bối cảnh cho khúc trữ tình, và bao quát cả đời sống gian nan mao hiểm của chinh phụ ở tiền tuyến chiến địa, đến đời sống cô lãnh của chinh phụ trong gia đình quê hương ở nội địa, từ buổi xuất chinh cho đến lúc khai hoàn.

Đề tài :

Đề tài lấy ở lịch sử Trung-hoa, và có liên quan đến một sự tiến triển rất lớn của lịch sử thế giới, là thiên anh hùng ca của các dân tộc miền đồng cỏ mênh mông ở Trung-bắc Á-châu, giáp giới với Trung-hoa về phía Tây-bắc xứ này. Các dân tộc này, như Hung-nô mà người Trung-hoa gọi là rợ Hồ, là các dân tộc du mục nên cưỡi ngựa rất giỏi, bắn cung rất tài. Khi gặp hỏa tai ở đồng cỏ hay nạn dịch, bầy súc vật bị hao mòn không đủ nuôi sống, họ bèn xâm lấn các vùng chung quanh.

Ở Âu-châu, dưới sự thúc đẩy của họ, các rợ ở miền Bắc Âu đã tràn xuống miền Nam, làm sụp đổ Đế-quốc La-mã.

Ở Á-châu, từ thượng cổ, họ đã xâm lấn Trung-hoa, một cái mối lớn và ngon : Hán tộc là một dân tộc lớn, định cư và sống về nông nghiệp, đã tạo nên những làng mạc giàu có ở Trung-nguyên, và một nền văn minh sán lạn, nhưng lại trở nên yếu hèn. Các cuộc xâm lấn ấy đã là nguyên nhân các cuộc thiên đô từ Tây sang Đông của các nhà Đông Chu, Đông Hán, Đông Tấn, và từ Bắc xuống Nam : Nam Bắc triều, Bắc-kinh, Nam-kinh.

Các rợ trên đã diễn ra thiên anh hùng ca vĩ đại của cánh đồng cỏ, và đến thế kỷ 13, Thành Cát Tư Hãn, một lãnh tụ Mông-cổ, lập nên đế quốc lớn nhất từ xưa đến nay, và cũng là dịp cho nước Việt-nam viết một trang sử anh hùng phi thường.

Như vậy, trấn Bắc và Nam tiến là luật tiến triển của lịch sử Trung-hoa để tranh sống. Tần Thủy Hoàng Đế xây Vạn Lý Trường Thành để chặn các rợ Hồ. Bị dồn về phía Nam, đến lượt họ, người Trung-hoa lại dồn nước Việt-nam nhỏ xuống dưới nữa, bắt buộc ta chống lại họ ở Bắc, và tiến xuống Nam xa hơn nữa, diễn lại cái luật Bắc trấn Nam tiến của lịch sử họ, trong một phạm vi nhỏ hơn.

Sự trấn Bắc của người Trung-hoa đã tạo cho họ bao nhiêu vũ công làm đề tài cho văn chương Hán. Ta cần phải biết các vũ công đó, đề tài của Chinh Phụ Ngâm, vì Chinh Phụ Ngâm thường nhắc nhở tới tên các danh tướng hay danh địa, như :

Tràng-thành—Cam-toàn (Tần)	CPN	C	5
Bạch thành (Hán Cao Tổ)	—	C	73
Doanh Liêu—Chu Á Phu (Hán Văn Đế)	—	C	45
Hà-lương — Lý Lăng — Tô Vũ (Hán Võ Đế)	—	C	43
Hoắc Phiêu Diêu (Hán Võ Đế)	—	C	95
Phó Giời Tử (Hán Chiêu Đế)	—	C	37
Lâu Lan —			
Ban Siêu (Hán Chiêu Đế)	—	C	18-40-140
Đồ Hiễn (Hán Hòa Đế)	—	C	210
Giặc trời (Hán)			
Thuyền Vu—Nhục Chi (Hán Võ Đế)	—	C	375 v.v...

Ấy là không kể các sự tích rất quen thuộc như tiếng cười của Bao Tự (Đông Chu), Vương Tường hay Chiêu Quân cống Hồ (Hán Nguyên Đế), v.v...

Trong quyển Chinh Phụ Ngâm Khúc Giảng Luận của Thuần Phong có một bản đồ Trung-hoa thời Chiến-quốc (-403-221) ghi các tên đất kể trong ngâm khúc.

Tuy Chinh Phụ Ngâm đã sử dụng tất cả các điển cố nói trên, nhưng như một gương lịch sử cho một chinh phu chinh phụ vô danh mà thôi, như một phương tiện tiện lợi để diễn tả, không hơn không kém. Hơn nữa, người chinh phu chinh phụ vô danh trong Chinh Phụ Ngâm cũng không phải đề ca tụng riêng chí nam nhi của người chinh phu hay đức hạnh của người chinh phụ Trung-hoa hay Việt-nam, mà là đề tả các đức tính ấy chung cho loài người. Vậy đề tài là Trung-hoa hay Việt-nam cũng không quan trọng gì, và điều thắc mắc ấy, mà một vài nhà phê bình ta nêu ra, không thành vấn đề. Biết bao nhiêu văn phẩm kiệt tác của Shakespeare, Racine, La Fontaine, lấy đề tài hoặc ở cổ Hy-lạp, hoặc ở ngoại quốc, mà các nhà phê bình của họ có cho là quan trọng hay đặt thành vấn đề đâu. Và một văn phẩm chỉ có thể trở nên bất tử khi vượt ra ngoài được thời gian và không gian để diễn được sâu sắc tâm lý phổ biến của con người.

Cảnh ngộ lịch sử với sự trước tác của Chinh Phụ Ngâm :

Theo Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú thì « Sách Chinh Phụ Ngâm bởi Hương cống Đặng Trần Côn soạn, nhân đầu đời Cảnh-hưng (1740-1786) việc binh nổi dậy, người ta đi đánh giặc phải lìa nhà, ông cảm thời thế mà làm ra ».

Nguồn văn :

Đặng Trần Côn tiên sinh tuy cảm thời thế mà làm ra Chinh Phụ Ngâm, nhưng đề mục không phải là mới. Các thi sĩ Trung-hoa sống về các thời loạn đã từng tả trong nhiều bài Nhạc phủ hay Đường thi cái chí nam nhi của người chinh phu và nỗi sầu phân ly của người chinh phụ.

Ta hãy kể dưới đây ít nhiều văn kiện, sắp theo bố cục của Chinh Phụ Ngâm :

I.— THỜI LOẠN

Trương Tuấn :

Văn dịch

Thiều nghiêu thi nhất lâm
Lỗ kỵ phụ thành âm
Bất biện phong trần sắc
An tri thiên địa tâm
Môn khai biên nguyệt cận
Chiến khổ trận vân thâm
Đán tịch cánh lâu thượng
Giao văn hoành địch âm

II.— NAM NHI CHÍ CỦA CHINH PHỤ

Lý Bạch :

Tái hạ khúc

Phong hỏa động sa mạc
Liên chiếu Cam tuyền vân
Hán hoàng án kiếm khởi
Hoàn Triệu Lý tướng quân
Binh khí Thiên thượng hợp
Cổ thanh Lũng đế văn
Hoành hành phụ dũng khí
Nhất chiến tĩn yêu phân.

Tuấn mã như phong phiêu
Minh tiên xuất vị kiêu
Loan cung từ hán nguyệt
Tháp vũ phá thiên kiêu

Trận giải tình mang tận
Doanh không Hải-vị tiêu
Công thành *Hoa Lân* các
Độc hữu *Hoắc Phiêu Diêu*

Ngô nguyệt thiên sơn tuyết
Vô hoa chỉ hữu hàn
Địch trung văn chiết liễu
Xuân sắc vị từng khan
Hiếu chiến tùy kim cồ
Tiêu miên bảo ngọc an
Nguyện tương Yêu-hạ kiếm
Trực vị *trảm Lâu Lan*

Đỗ Phủ :

Hậu xuất tặc
Chiêu tiến đông môn doanh
Mộ hạ lạc Dương kiều
Lạc nhật chiếu đại-kỹ
Mã minh phong tiêu tiêu
Bình xa liệt vân mộ
Bộ ngũ các hữu chiêu
Tung thiên huyền minh nguyệt
Lịnh nghiêm dạ tịch liễu
Bỉ gia sồ thanh động
Tráng sĩ sâm bất kiều
Tán vân đại tướng thù
Cung thị Hoắc Phiêu Diêu

Vương Hàn :

Lương châu từ
Bổ-đào mỹ tửu, dạ quang bôi,
Dục ẩm, tì bà mã thượng thôi.
Túy ngọa sa trường, quân mạc tiểu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi ?

Vương Chí Hoán :

Xuất tái
Hoàng-hà viễn thương bạch vân gian,
Nhất phiến cô thành vạn nhận san.
Khương địch hà tu oán dương liễu ?
Xuân phong bất độ Ngọc-môn quan.

III.— NỖI BUỒN PHÂN LY CỦA CHÍNH PHỦ
Thâm Thuyên Kỳ :

Văn Đạo (Tập Thi)

Văn đạo Hoàng long thú
Tân niên bất giải binh
Khả liên khuê lý nguyệt
Trường tại Hán gia doanh
Thiếu phụ kim xuân ý
Lương nhân tạc dạ tình
Thùy năng tương kỳ cồ
Nhất vị thủ long thành

Lý Bạch :

Xuân tứ
Yên thảo như bích ti

Tần tang đề lục chi
 Đương quân hoai qui nhật
 Thị thiếp đoạn trường thi
 Xuân phong bất tương thức
 Hà sự nhập la-vi

Trương Cửu Linh :

Tự quân chi xuất hĩ
 Tự quân chi xuất hĩ
 Bất phục lý tàn ky.
 Tư quân như nguyệt mãn,
 Dạ dạ giảm quang huy.

Vương Xương Linh :

Khuê oán
 Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu
 Xuân-nhật ngưng-trang thương thúy-lâu
 Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
 Hối giao phu tế mịch phong hầu

IV.— THÁI BÌNH TRỞ LẠI

Lưu Bang (còn là Bái Công, xem Tần Thủy Hoàng) than rằng :

« Ta hồ, Đại Trượng Phu đương như thị ! »

Các bài trên là nguồn văn của Chinh Phụ Ngâm. Phan Huy Chú nói : « Đại lược tác giả lượm lặt trong cổ Nhạc-phủ và thơ Lý Bạch mà gộp lại, xáo trộn, đúc nên thành thiên ».

Thề văn :

Chinh Phụ Ngâm viết theo thể cổ Nhạc-phủ. Nhạc-phủ nguyên là một nơi coi về âm nhạc do Hán Vũ Đế lập ra. Sau các nhạc chương dùng trong triều miếu đều gọi là Nhạc-phủ. Thể trường đoản cú ở đời Đường, đời Tống, cũng gọi là Nhạc-phủ.

Như vậy Nhạc-phủ kỳ thủy là những bài hát phổ vào nhạc để người hát tả tâm tình riêng của mình trong các buổi lễ, như sau các từ chương tuy không phổ được vào đàn nhưng có âm hưởng và đề trữ tình cũng gọi là Nhạc-phủ, như bài Tương Tiến Tửu của Lý Bạch, vì Nhạc-phủ thích hợp nhất đề trữ tình, ta đã chẳng nói « khúc nhạc tình » ?

Cũng như vậy ở Hi-lạp, Thất-huyền-cầm thi (poésie lyrique) kỳ thủy là nhạc ca đề độc tấu hay hợp tấu trong các buổi lễ, sau chỉ thơ trữ tình.

Chinh Phụ Ngâm trước hết là một khúc trữ tình nên dùng lối Nhạc-phủ là lẽ tự nhiên.

Nhạc-phủ trước là đề phổ vào đàn nên tự do, không bó buộc số câu, số tiếng, miễn luật bằng trắc, chỉ cốt có âm hưởng là được. Chinh Phụ Ngâm dùng thể trường đoản cú, gồm các câu từ 3 đến 11 tiếng, thơ ngắn chen với thơ dài, các thể thơ Kinh Thi, Sở từ và Tuyệt cú, cứ tùy nghi thay đổi nhau, để tả các sự chuyển vận của tâm tình.

Giá trị :

Nếu ta so sánh các bài Đường thi như những bài kể ở trên với Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn, ta thấy các bài trên tuy là tuyệt tác nhưng chỉ là những bài ngắn đối với trường thiên ngâm khúc gồm 478 câu của tiên sinh. Tiên sinh tuy đã dùng văn liệu cổ Trung-hoa, nhưng

như những viên ngọc thạch đẹp đẽ đúc nên cả một lâu đài đẹp nguy nga, kiến trúc kỳ kỳ. Các tác phẩm trường thiên của Hán văn mà có kết cấu chặt chẽ hiếm thấy trong văn chương Trung-hoa, âu cũng là một ưu điểm của trí tổng quát và tài kết cấu của nhà văn Việt-nam.

Một đặc điểm nữa là Chinh Phụ Ngâm lại là một trường thiên trữ tình, cái mà ta hiếm thấy ngay cả ở trên văn đàn thế giới. Trường thiên trữ tình ấy lại có một tâm lý rất tế nhị. Để chứng minh điểm đó, không gì bằng hãy xem bản phân tích tâm lý khúc Chinh Phụ Ngâm rất tinh tường dưới đây của một nhà phê bình Hán học mà ông Hoàng Xuân Hãn đã sưu tầm được trong cuốn Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo :

I.— Loạn thời

- 1— Phong trần (câu 1-9)
- 2— Phát quân (— 10-17)
- 3— Nam nhi chí (— 18-25)

II.— Xuất chinh

- 1— Tống biệt (câu 16-44)
- 2— Đăng đồ (— 45-59)
- 3— Tương cố (— 60-71)

III— Bi cụ

- 1 — Bi gian khổ (câu 72-97)
- 2 — Cụ mệnh yếu (— 98-121)

IV — Hoài tưởng :

- 1 — Thán cách (— 122-135)
- 2 — Vi ước kỳ (— 136-147)
- 3 — Ước hà sử (— 148-159)
- 4 — Nhân vị lai (— 160-171)

V — Có lãnh :

- 1 — Cung thân giáo tử (172-193)
- 2 — Bång thù ký (194-209)

VI — Vọng tưởng :

- 1 — Đài tin (210-219)
- 2 — Hôn mê (220-227)
- 3 — Chỉ đăng tri (228-233)

VII — Sầu muộn :

- 1 — Sầu hoài (234-247)
- 2 — Sầu cánh (248-266)

VIII — Thất vọng :

- 1 — Lăn dung (267-277)
- 2 — Muộn sầu (278-291)

IX — Vọng tâm :

- 1 — Mộng (292-309)
- 2 — Tứ vọng (310-339)

X — Hoài nghi :

- 1 — Hối hận (340-345)
- 2 — Nghi hoặc (346-356)

XI — Ưu lão :

- 1 — Kinh kỷ sương (357-368)
- 2 — Do biệt (369-374)
- 3 — Ngộ lương thi (375-388)
- 4 — Ưu lão (389-403)

XII — Nguyên ước :

- 1 — Bất như vật (404-417)
- 2 — Nguyên tương truy (418-432)

XIII — *Khẩn cầu* :

1 — Nguyễn khải hoàn (438-450)

2 — Nguyễn hợp hoan (457-477)

Chỉ xét bản phân đoạn ở trên, ta đã có thể có một ý niệm về sự dồi dào biết là bao của các tình cảm về ly biệt và phân ly, chưa kể là các tình cảm ấy tiến diễn một cách rất tự nhiên.

Vậy Chinh Phụ Ngâm là một văn phẩm có các đặc điểm sáng tác tuy dùng nhiều văn liệu cổ. Đáng khác, nếu ngày nay ta theo Âu-châu chê lối văn « Tập cổ », ta cũng nên nhận rằng các cụ ngày xưa chuộng lối văn ấy, cũng như ưa dùng điển cổ, không phải là không có lý. Các cụ không đề ý đến việc vay mượn của cổ nhân, chỉ cốt viết văn để thưởng thức hơn là lấy danh dự sở hữu cá nhân, miễn là làm sao tả được tình, đạt được ý, là được. Lối văn tập cổ và dùng điển cổ cũng có ưu điểm là làm cho câu văn trở nên rất hàm súc : mỗi một văn liệu, mỗi một điển lại nhắc lại biết bao nhiêu là hình ảnh đẹp và ý nhị khác.

Ta hãy lấy hai câu sau này :

Hán văn :

Mạch thượng tang, mạch thượng tang

Thiếp ý quân tâm thùy đoản tràng

Việt văn :

Ngàn dâu xanh ngắt một màu,

Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai ?

Lời văn, tự nó cũng đã đủ nghĩa và hàm súc rồi nhưng lại trở nên hàm súc hơn, vì nó gọi cho ta biết bao ý tưởng hay cảm giác khác của các bài mà tác giả ám chỉ bằng điển cổ.

Cầu

Mạch thượng tang, mạch thượng tang

không những tả « ngàn dâu xanh ngắt một màu », mà còn nhắc lại thâm ý của bài ca « Mạch thượng tang » của nàng LA PHU ở nước Tần, có chồng, đi hái dâu, vua Triệu Vương trông thấy mang lòng yêu, đặt tiệc rượu mời ; nàng đến, hát khúc ấy để tự mình :

Quân vương tư hữu phụ

La Phu tự hữu phu

Đông phương thiên dư ky

Phu tể cư thượng đầu

Triệu Vương nghe lời hát ngụ ý kiên trinh đoan chính bền thôi.

Vậy « mạch thượng tang » không những chỉ tả cảnh, còn tả tấm lòng kiên trinh của người con gái thôn quê, vui với việc tầm tang, đợi chồng đi viễn chinh, chống lại cả uy quyền và mối tình của nhà vua.

Câu :

Thiếp ý quân tâm thùy đoản tràng

(Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai)

tự nó cũng đủ ý và rất hàm súc rồi, tuy vậy, lại nhắc lại bài tập thi của Thẩm Thuyên Kỳ đã kể ở trên. tả nỗi buồn của người chinh phụ trong đó có những câu rất hay :

Khả liên khuê lý nguyệt

Trường tại Hán gia doanh

Thiếu phụ kim xuân ý

Lương nhân tạc dạ tình

hay là bài Xuân tứ của Lý Bạch

Đương quân hoài qui nhật

Thị thiếp đoạn trường thi

và cứ như thế, thường mỗi chữ mỗi câu lại dẫn đến các thơ cổ, làm cho tình và ý trở nên hàm súc vô cùng.

Lối tập cổ và dùng điển cổ, cùng với ngôn ngữ độc âm, và văn phạm ít dùng hư từ, của Hoa-ngữ và Việt-ngữ, làm cho thơ Việt và Hoa hàm súc hơn thơ Âu-châu thường chỉ lo trần tả chân thật.

Khúc Chinh Phụ Ngâm vì vậy rất cô đúc và hàm súc, đến nỗi người Tàu phải khâm phục tác giả, và, theo một giai thoại, có kẻ lại đoán rằng : « Tinh thần ông phát tiết cả ra bài này, ông chỉ sống được ba năm nữa là cùng », và lời tiên đoán ấy sau này quả nhiên là đúng.

(kỳ sau :

CPN, tác phẩm Việt-ngữ)

ĐÀM QUANG THIÊN

VĂN UYÊN

số 13. tháng 5-69

- một tác-giả:

VIÊN-LINH

- một tác-phẩm :

M Æ L Ộ

TRƯƠNG VĂN CHÌNH

Việt-ngữ có chính xác không ?

Có kẻ sách sĩ (*) phản nản rằng ngôn ngữ của ta thiếu danh từ chính trị chính xác, cho nên hai bên cùng là người Việt mà nói chuyện với nhau tại Paris, không hiểu nổi nhau. Lời nói ấy có phần đúng mà cũng có phần sai.

Những danh từ như *dân chủ* (*démocratie*), *tự do* (*liberté*), ý nghĩa thật rõ ràng, chính xác, mà người cộng sản và người không cộng sản, vì quan niệm khác nhau, nên hiểu cũng khác nhau. Điều này không riêng gì cho người Việt-nam, mà chung cho hết thảy những người bất luận là ở đâu, tùy theo là họ có theo hay không theo chủ nghĩa Marx.

Hiện giờ, tại hội đàm Paris, Mỹ bảo Bắc Việt xâm lược miền Nam Việt-nam ; ngược lại, Bắc Việt đổ cho Mỹ là kẻ xâm lược. Hà-nội gọi Sài-gòn là *ngụy*, thì Sài-gòn cũng gọi Hà-nội là *ngụy*. *Xâm lược* và *ngụy* không phải là không có ý nghĩa chính xác, chẳng qua chỉ là mỗi bên xét đối phương hay nhìn thời cuộc theo quan điểm chủ quan của riêng mình.

Ngay những người tự coi là cùng thuộc « thế giới tự do », cũng có quan niệm khác nhau về một số danh từ.

(*) *Sách sĩ* : Xem bài *Vong quốc chi đạo* cũng của tác giả, *Tân Văn* số 6, tháng 10-1968 (T.S.)

Tại Việt-nam chúng ta, từ 1946 đến 1954, nói : *liên hiệp*, *hợp tác*, *tự chủ*, v.v..., người Pháp hiểu một cách, mà người Việt hiểu một cách. Cũng như hiện nay, nói : *đồng minh*, *cố vấn*, *viện trợ*, v.v..., người Mỹ và chúng ta chưa chắc đã có cùng một quan niệm.

Vậy thì không phải là danh từ không chính xác, mà chỉ là dùng danh từ không được chính xác. Tuy nhiên, cũng phải nhận rằng trong ngôn ngữ của ta có lắm danh từ chính trị không được chính xác thật. Mới vài chục năm nay, ta phải đặt ra nhiều danh từ về chính trị cũng như về các môn học khác. Nói là đặt ra, kỳ thực ta dịch những danh từ của Tây-phương đã có hàng trăm năm nay.

Chúng tôi đã có dịp nói đến ba danh từ : *fédération*, *confédération* và *État fédéral*, và chúng tôi xin phép nhắc lại ở đây. Ba danh từ ấy diễn tả ba ý niệm khác nhau. *Pháp Việt từ điển* của Đào Duy Anh dịch *fédération* và *confédération* cùng ra *liên bang* cả, không thấy dịch *État fédéral*. *Từ điển Pháp Việt pháp luật, chính trị, kinh tế* (Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Văn Trác và Đào Văn Tập, — Vĩnh Bảo, Sài-gòn, 1956) dịch *fédération* ra *liên bang*, *confédération* ra *bang liên*, và *État fédéral* ra *nước liên bang*. Dịch như vậy, nếu chúng tôi không lầm là theo Jean Médard, *Vocabulaire français-chinois des sciences politiques et morales*, (Société française de librairie et d'édition, Tientsin, 1928) ; mà Médard dường như theo từ điển Tàu.

Chúng tôi xét rằng dịch cả ba danh từ ra *liên bang* (hay đảo lại là *bang liên*) không làm cho người đọc phân biệt rõ ràng ba ý niệm khác nhau, nên khi soạn cuốn *Quốc tế công pháp thường thức* (1) chúng tôi đã dịch như sau :

(1) Trình Quốc Quang (Trương Văn Chính), nhà xuất bản Quang Trung, Hà-nội, 1946.

fédération = *liên bang*
confédération = *liên hiệp quốc*
État fédéral = *hợp chúng quốc*

Liên bang (*fédération*) là một thể lập quốc, đối với thể đơn lập (*État unitaire*). Hiện nay, trên thế giới, thể liên bang có hai hình thức chính : liên hiệp quốc (*confédération d'États*) như Liên hiệp Anh, và hợp chúng quốc (*État fédéral*) như Hoa-kỳ. Vì sao chúng tôi đã dùng liên hiệp quốc và hợp chúng quốc ? Ấy là vì chúng tôi cho rằng Liên hiệp Anh (*The Commonwealth of Nations*) có thể coi là điển hình cho thể *confédération*, mà Hợp-chúng-quốc Bắc-Mỹ (*The United States of America*) là điển hình của thể *État fédéral*. Chúng tôi không dám cho rằng hai danh từ *liên-hiệp-quốc* và *hợp-chúng-quốc* đã thật là chính xác. Dầu sao thì chúng tôi đã có ba danh từ để diễn tả ba ý niệm khác nhau. Vả lại, nói *liên-hiệp-quốc* và *hợp-chúng-quốc*, có thể gợi ngay cho ta ý niệm về hai chính thể khác nhau, dù chưa được chính xác cũng còn hơn là dùng *bang liên* và *liên bang* (2).

Chúng tôi dẫn ba danh từ nữa là *régime* hay *gouvernement représentatif*, *régime* hay *gouvernement parlementaire* và *régime* hay *gouvernement présidentiel*. Tra *Pháp Việt từ điển* Đào Duy Anh, ở những tiêu đề : *gouvernement*, *régime*, *représentatif*, *parlementaire*, *présidentiel*, ta thấy :

Régime représentatif = *Chế-độ đại-nghị*

Régime parlementaire = 1. *Chế-độ nghị-viện* ;

2. *Nghị-viện, đại-nghị chế-độ*

(2) Dùng *liên-hiệp-quốc* để dịch *confédération*, nên chúng tôi đã gọi *Organisation des Nations unies* (O.N.U.) là *Quốc-tế liên-hiệp* để phân biệt với *Quốc-tế liên-minh* là *Société des Nations*. Chúng ta gọi O.N.U. là *Liên-hiệp-quốc*, là theo các báo Tàu dịch như vậy ngay từ 1944.

Gouvernement représentatif = Đại-nghị chính-thể
Gouvernement parlementaire = Nghị-viện, đại-nghị
 chính thể

Dường như Đào Duy Anh cho hai danh từ *représentatif* và *parlementaire* là đồng nghĩa. Không thấy dịch *régime présidentiel* và *gouvernement présidentiel*.

Từ điển pháp luật, chính trị, kinh tế Vũ Văn Mẫu, thì dịch :

Régime représentatif = Chế-độ đại-nghị
Régime parlementaire = Chế-độ nghị-viện
Régime présidentiel = Chế-độ tổng-thống
Gouvernement représentatif = Chính-thể đại-nghị
Gouvernement parlementaire = Chính-thể nghị-viện
Gouvernement présidentiel = Chính-thể tổng-thống.

Những danh từ của Đào Duy Anh và Vũ Văn Mẫu « đặt ra » có chính xác không? Ta phải xét nội dung mấy tiếng Pháp.

Ta có cần dịch *régime* và *gouvernement* bằng hai danh từ không? Chúng tôi tưởng có thể dịch cả hai ra *chính-thể*, vì *régime* ở đây có nghĩa là « *forme, gouvernement d'un Etat* », tỉ dụ : *régime monarchique* (= chính-thể quân-chủ) (xem từ vị *Larousse*). Vả lại, trong *Hán-Việt từ điển* của Đào Duy Anh giải nghĩa *chính-thể* là cách thức tổ chức của Quốc gia, và có chú thêm tiếng Pháp là : *régime, forme du gouvernement*.

Còn ba tiếng *représentatif*, *parlementaire* và *présidentiel* tuy rằng cùng trở chính thể dân chủ, nhưng diễn tả ba quan niệm khác nhau (cũng như ba tiếng *fédération*, *confédération* và *Etat fédéral* đã dẫn trên).

Trong một nước theo chính thể dân chủ, chủ quyền quốc gia thuộc về toàn thể nhân dân. Đúng theo lý thuyết

thì hết thảy công dân phải trực tiếp hành sử chủ quyền quốc gia, nghĩa là trực tiếp tham dự vào việc chính trị. Xưa kia, ở những thành thị tại cổ Hi-lạp và cổ La-mã, mọi việc công đều do Hội nghị toàn thể công dân quyết định. Hiện nay, ở một vài châu (*cantons*) nhỏ tại Thụy-sĩ, toàn thể công dân họp thành Hội nghị nhân dân để biểu quyết pháp luật, bổ nhiệm viên chức, tuyền cử đại biểu dự Nghị viện Liên bang. Ấy là dân chủ trực tiếp (*démocratie directe*).

Chính thể dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ hoàn toàn, nhưng không thể thực hiện trong một nước được : làm sao mà tập hợp được toàn thể công dân (hàng chục hàng trăm triệu) thành Hội nghị nhân dân để định đoạt những vấn đề lập pháp, nội trị, ngoại giao, v.v. Vì thế mà nhân dân chọn người đại biểu thay mình mà hành sử chủ quyền quốc gia và trông coi việc chính trị trong nước. Ấy là dân chủ đại nghị (*démocratie représentative*).

Chính thể dân chủ đại nghị là chính thể dân chủ hiện nay thông thường trên thế giới. Nhân dân chọn đại biểu bằng lối tuyền cử. Đại biểu của nhân dân gọi là nghị viên, họp thành Nghị viện (*Parlement*). Vậy thì chính thể đại nghị bắt buộc phải là chính thể có nghị viện. Chính thể đại nghị có nhiều hình thức, có nhiều lối tổ chức khác nhau, nhưng tựu kì trung có hai hình thức chính : một như chính thể Hoa-kỳ, gọi là chính thể *présidentiel* ; một như chính thể nước Anh hay như chính thể nước Pháp thời đệ tam Cộng-hòa, gọi là chính thể *parlementaire*. Vậy thì chính thể *représentatif* (đại nghị) gồm cả chính thể *parlementaire* lẫn chính thể *présidentiel*, cũng như *fédération* (liên bang) gồm cả *confédération* (liên hiệp quốc) và *Etat fédéral* (hợp chúng quốc).

Hai chính thể *présidentiel* (Hoa-kỳ) và *parlementaire* (Anh hay đệ tam Cộng-hòa Pháp) khác nhau thế nào ?

Chúng tôi chỉ dẫn sau đây điểm cốt yếu, hầu có thể dựa vào đấy mà dịch hai danh từ *présidentiel* và *parlementaire*, cho được chính xác. Còn danh từ *représentatif* mà dịch ra *đại nghị* thì rõ ràng lắm rồi: *đại* 代 = thay thế, thay mặt, — *nghị* 議 = bàn bạc để quyết định, — *đại nghị* = thay mặt nhân dân để bàn bạc và quyết định việc nước.

Tại Hoa-kỳ, vị nguyên thủ quốc gia là tổng thống (*président*). Tổng thống không những đứng đầu cơ quan hành pháp, mà còn thực sự giữ quyền về hành pháp. Cũng tại Hoa-kỳ nghị viện không có quyền đánh đổ chính phủ là cơ quan hành pháp. Trái lại, tại nước Anh hay nước Pháp (đệ tam Cộng-hòa), vị nguyên thủ là quốc vương (Anh) hay Tổng-thống (Pháp) tuy rằng có danh là đứng đầu hành pháp, nhưng thực quyền trong tay Thủ-tướng (*premier ministre, président du Conseil des Ministres* hay *président du Cabinet*.) Và lại, nghị viện có quyền không tín nhiệm chính phủ (3).

(3) Có người gọi chính thể nước Anh là quân chủ lập hiến. Chúng tôi không đồng ý. Quân chủ là gì? Quân chủ có nghĩa là vua làm chủ, tức là chủ quyền thuộc về vua. Ở nước Anh, nhà vua « trị vì chứ không có quyền thống trị », chủ quyền không thuộc về vua, mà thuộc về dân. Vậy thì nước Anh là nước dân chủ, nhưng khác với nước Pháp hay Hoa-kỳ là hai nước *dân chủ cộng hòa*, nước Anh là *nước dân chủ có vua* hay là *dân-chủ quân-vị*, lấy ý « dân vị chủ, quân vị vị ».

Chúng ta gọi nước Anh là nước dân chủ có vua hay là dân-chủ quân-vị, nhưng vẫn có thể dùng danh từ *quân chủ lập hiến* để gọi chính thể một nước như nước Đức thời trước thế chiến thứ nhất: chủ quyền thuộc về vua, nhưng quân quyền bị hiến pháp hạn chế phần nào, hay là: chủ quyền thuộc về cả vua lẫn dân. Trong *Hán Việt từ điển* Đào Duy Anh có một danh từ khác cũng có thể dùng để gọi chính thể vừa nói trên, là *quân dân cộng chủ*.

Vậy, nếu chúng ta dịch *gouvernement présidentiel* ra *chính thể tổng thống*, lấy ý rằng tổng thống giữ thực quyền về hành pháp, thì ta có thể dịch *gouvernement parlementaire* ra *chính thể thủ tướng*. Thực ra, chúng tôi chưa thỏa mãn lắm về hai danh từ *chính thể tổng thống* và *chính thể thủ tướng*; nhưng vì gần hai chục năm nay chúng tôi không còn nghiên cứu về chính trị học và công pháp nữa, nên xin đề nhượng các nhà có thẩm quyền hơn (**). Dẫu sao thì dùng *chính thể thủ tướng* để dịch *gouvernement parlementaire* cũng còn hơn là dùng *chính thể nghị viện*. Dùng danh từ sau là dịch đúng lời (*parlement* = nghị viện), mà chúng tôi đã có dịp nói rằng dịch tiếng Tây-phương, ta nên dịch theo ý hơn là theo lời vì rằng dịch đúng lời, lắm khi bị sai (xem *Tân Văn* số 5, tháng 9-1968, tr. 48-49), nhất là chính ngay giới học giả Tây-phương đã nhận rằng có nhiều danh từ chuyên môn hiện dùng không được chính xác.

Chúng tôi muốn dẫn thêm hai danh từ *neutralité* và *neutralisme* mà hiện nay chúng ta đều dịch ra *trung lập* cả. (*Pháp Việt từ điển* Đào Duy Anh và *Từ điển Pháp Việt pháp luật, chính trị, kinh tế* Vũ Văn Mẫu đều dịch *neutralité* ra *trung lập*, không dịch *neutralisme*.) Dùng cùng một danh từ để diễn tả hai quan niệm khác nhau, nên nhiều người Việt chúng ta lẫn lộn *neutralité* với *neutralisme*. Nhưng, không riêng gì người Việt, người Tây-phương cũng lắm kẻ lẫn lộn như vậy. Ta thấy có khi phải nói

(**) Trước khi nghiên cứu về ngữ học, tác giả, còn có bút hiệu là Trình Quốc Quang, đã cho xuất bản, ngoài cuốn *Quốc tế công pháp thường thức* đã dẫn trên, những sách kê dưới: 1. *Lược khảo về Liên Hiệp Anh*, — 2. *Hiến chương Liên Hiệp Pháp*, — 3. *Thực hiện Liên Hiệp Pháp thế nào?* — 4. *Hội nghị Việt Pháp Fong-te-nơ-bơ-lô*, — *Xứ Ai-lao và điều ước Pháp Lào 19-7-1949* (những sách trên đều do Văn Hóa, Hà-nội xuất bản), — 5. *Giải thích và phê bình thỏa hiệp Ô-ri-ôn—Bảo Đại 8-3-1949* (Văn Hóa Liên-hiệp, Paris, 1950) (T.S.)

neutralité thì nhiều ký giả, và cả chính trị gia nữa, dùng *neutralisme*, mà khi phải nói *neutralisme* thì họ lại dùng *neutralite*.

Neutralisme là một thái độ chính trị, một chính sách ngoại giao, mà *neutralité* là một qui chế pháp luật, qui chế thuộc quốc tế công pháp. Vậy ta hãy tạm dịch *neutralisme* ra *trung lập về chính trị*, và *neutralité* ra *trung lập theo pháp luật*.

Thế nào là một nước trung lập về chính trị (*neutralisme*) ? Hiện nay trên thế giới có hai khối chống đối nhau : khối dân chủ Tây-phương (tư bản) và khối cộng sản. Nước nào không liên minh về quân sự hay chính trị với một trong hai khối ấy, coi là nước trung lập (*neutralisme*). Những nước trung lập về chính trị cũng muốn họp thành một khối thứ ba. Tiêu biểu cho khối thứ ba này, ở Á-châu là Ấn-độ, ở Phi-châu là Ai-cập, ở Âu-châu là Nam-tư.

Không có điều ước quốc tế nào ràng buộc nước trung lập về chính trị. Chỉ cần tuyên bố rằng mình theo chính sách ngoại giao trung lập, là đủ để thiên hạ coi là nước trung lập (*neutralisme*). Nước trung lập về chính trị không cần cam kết gì với ai, không bắt buộc có nghĩa vụ quốc tế gì. Nay trung lập, mai bỏ trung lập, cũng không sao, chẳng ai bắt bẻ gì cả.

Khác với trung lập về chính trị (*neutralisme*), trung lập theo pháp luật (*neutralité*) là một qui chế, một thân phận do điều ước quốc tế tạo ra. Hiện nay có hai nước trung lập theo pháp luật : Thụy-sĩ (từ năm 1815) và Áo (từ năm 1955). Theo pháp luật quốc tế thì nước trung lập (*neurtalité*) có những nghĩa vụ sau đây :

1. Nước trung lập không được khai chiến với một nước nào khác, tức là mất quyền tuyên chiến.

2. Nước trung lập không được tham dự vào một cuộc chiến tranh nào : xảy ra chiến tranh (giữa các nước khác) nước trung lập không được theo, không được giúp một bên giao chiến nào, mà phải đứng hoàn toàn trung lập.

3. Nước trung lập phải bảo vệ lãnh thổ, chống lại ngoại xâm, tức là có quân đội, tổ chức quốc phòng.

4. Dù trong thời bình, nước trung lập cũng không được ký kết gì có thể lôi cuốn mình vào một cuộc chiến tranh, tỉ dụ như ký hiệp ước có tính cách quân sự hay là để cho nước khác lập căn cứ quân sự trong lãnh thổ mình.

Liệt quốc có thể chỉ thừa nhận, hay còn có thể bảo đảm nền trung lập (theo pháp luật) của một nước. Thừa nhận chỉ có nghĩa vụ tôn trọng, không được xâm phạm nền trung lập ấy (trường hợp nước Áo). Bảo đảm nền trung lập (theo pháp luật), thì phải bảo đảm cho lãnh thổ nước trung lập được toàn vẹn, và không để ai xâm phạm ; có nước nào xâm phạm, phải cứu viện (trường hợp nước Thụy-sĩ).

Bị điều ước quốc tế ràng buộc, nước trung lập theo pháp luật (*neutralité*) không có quyền đơn độc và tự ý thay đổi thân phận của mình, từ bỏ nền trung lập, mà không được những nước ký điều ước trung lập đồng tình. Ấy là vì qui chế trung lập có lợi, không những cho chính nước trung lập, mà còn có lợi cho cả liệt cường : qui chế trung lập có mục đích duy trì nền hòa bình chung trên thế giới bằng cách bảo toàn những nước tuy bé nhỏ nhưng cần thiết để giữ thế quân hoành trên bàn cờ thế giới. Nước trung lập là « nước đệm », nước hoãn xung, là chương ngại vật thiên nhiên đặt giữa hai nước thường hiềm khích nhau (ngày nay là hai khối đối chọi nhau). Nước Áo được quân Đồng-minh giải phóng năm 1944, nhưng chính những quân giải phóng này đồn trú trong mười năm, mà các

nước Đồng-minh không sao thỏa thuận được với nhau về điều kiện triệt thoái. Giải quyết vấn đề, Áo phải tự ý xin trung lập theo pháp luật, cam kết không gia nhập một liên minh nào, không để cho một nước nào đặt căn cứ quân sự trên lãnh thổ mình.

Ngoài những hạn chế kể trên, thuộc phạm vi quân sự, nước trung lập theo pháp luật (*neutralité*) được tự do về chính sách nội trị và ngoại giao. Nước trung lập theo pháp luật không bắt buộc phải trung lập về chính trị (*neutralisme*). Thụy-sĩ và Áo là hai nước trung lập theo pháp luật, nhưng không trung lập về chính trị.

Trong bản tuyên ngôn tại Nghị-viện, ngày 4-8-1919, chính phủ Thụy-sĩ phân định rõ ràng giới hạn của hai thứ trung lập: một đảng là thân phận nước trung lập (theo pháp luật) gồm những nghĩa vụ và quyền lợi định theo luật quốc tế; một đảng là chính sách trung lập về những vấn đề không định trong luật quốc tế. Chính phủ và Nghị viện Áo đồng quan điểm, và cũng phân biệt rõ ràng trung lập theo pháp luật (*neutralité*) và trung lập về chính trị (*neutralisme*). Luận về nền trung lập của nước Áo, giáo sư Alfred Verdron, viện Đại-học Vienne, viết rằng:

Theo điều ước 1955 thì nền trung lập của Áo giống nền trung lập của Thụy-sĩ. Cũng như Thụy-sĩ, Áo chỉ có những nghĩa vụ định theo luật quốc tế. Chính sách trung lập ở ngoài phạm vi nghĩa vụ quốc tế; Áo được tự do theo hay không, tùy ý, vì rằng về phương diện này, Thụy-sĩ không bị bó buộc gì. (*Revue générale de droit international*, tập XXVIII, số 2, tháng 4-6, 1957).

Chúng tôi đã nói trên, tạm dịch *neutralité* ra *trung lập theo pháp luật*, và *neutralisme* ra *trung lập về chính trị*. Muốn tránh những danh từ quá dài, ta có thể dùng *trung lập* để dịch hoặc *neutralité* hoặc *neutralisme*, và phải tìm

ra một danh từ nữa. Liệu những danh từ như *trung hòa*, *trung dung* hay *trung chính* (4) có thể dùng được không? xin chất chính các nhà có thẩm quyền. Dầu sao thì cũng phải có hai danh từ để dịch hai tiếng *neutralité* và *neutralisme*, cho ngôn ngữ được chính xác.



Mấy tỉ dụ dẫn trên chứng tỏ rằng trong số từ ngữ chính trị và công pháp (*droit public*) ta hiện dùng, có nhiều danh từ không được chính xác. Lỗi tại đâu? Tại ngôn ngữ hay tại người sử dụng ngôn ngữ?

Không có ngôn ngữ nào, dù là thứ ngôn ngữ được coi là *langue de culture* (ngôn ngữ có thể dùng để diễn đạt, để truyền bá văn hóa, — có người gọi là thứ ngôn ngữ để trau dồi), có đủ danh từ để diễn tả tất cả ý niệm của loài người, nhất là trong thời đại chúng ta, sinh hoạt về vật chất cũng như về tinh thần rất phức tạp. Lúc khởi thủy thì ngôn ngữ nào cũng chỉ có một số tiếng gốc dùng để diễn tả tư tưởng còn chất phác. Về sau, tri thức càng ngày càng mở mang, con người mới thấy cần phải đặt ra tiếng mới để cung ứng cho nhu cầu của tiến hóa.

Ngôn ngữ của ta vốn dồi dào danh từ cụ thể (5), mà ít danh từ trừu tượng. Cho nên muốn tạo ra tiếng mới để diễn tả những ý niệm mới về các môn học, ta phải

(4) Dùng ba danh từ này, lấy ý là đứng giữa, không thiên về bên nào. *Trung chính* còn có thể hiểu là chính sách trung lập nói gọn.

(5) Một người Pháp so sánh Pháp-ngữ với Việt-ngữ, đã viết rằng Pháp-ngữ chỉ có một tiếng *porter*, mà Việt-ngữ có chừng hai chục tiếng, như: *mang, đem, cầm, đội, gánh, vác, khiêng, cồng, cồng-kê, óm, bưng, bồng, bế, ẵm, đeo, dèo, xách, mặc*, v.v... Chẳng hạn, người Việt chỉ dùng một tiếng *đội*, thì người Pháp phải nói « *porter sur la tête* ».

dùng rất nhiều tiếng Hán-Việt. Hán ngữ là cái kho vô tận làm giàu cho ngôn ngữ của ta. Nói ra điều này, xin độc giả đừng cho là chúng tôi phạm vào tinh thần tự ái của dân tộc, vì ngay như Pháp ngữ, bốn phần năm từ ngữ, theo Ferdinand de Saussure, là mượn của các ngôn ngữ Ấn-Âu, và các danh từ chuyên môn đều tạo bằng tiếng cổ Hy La.

Vậy, có thiếu danh từ chính xác, lỗi không ở ngôn ngữ, mà lỗi ở người sử dụng ngôn ngữ, ở chính chúng ta : chúng ta không đủ khả năng sáng tạo. (Sáng tạo, trong phạm vi bài này, chỉ là dịch danh từ Tây-phương ra danh từ Hán-Việt).

Thành phần nào có bổn phận tạo ra danh từ chính trị và công pháp? Hai môn này có liên hệ mật thiết với nhau. Làm chính trị hay nghiên cứu chính trị mà không biết luật hiến pháp (6) và quốc tế công pháp, là một sự thiếu sót không thể tha thứ được. Vậy thì tạo ra danh từ chính trị và công pháp, tất nhiên phải là những người làm chính trị (chính trị gia hay chính khách), những người nghiên cứu chính trị, các luật gia và giáo sư.

Người Việt-nam ta vốn xuất chúng, thông minh hơn các giống khác, lại còn thực tế nữa. Cho nên người Việt-nam làm chính trị không cần biết lý thuyết về chính trị, không cần hiểu công pháp, thế mà đặt vào bất cứ địa vị nào, vẫn « thành công » như thường. Nhìn vào chính giới Việt-nam từ 1954 thì rõ. Vả lại, chúng ta đã có cổ vấn. Chúng tôi nhớ rằng lập Hiến-pháp cho Đệ-nhất Cộng-hòa,

(6) Nói luật hiến pháp có vẻ như dùng điệp ý hai tiếng luật và pháp, nhưng chúng tôi phải dùng để dịch *droit constitutionnel*, đối với Hiến pháp là *Constitution*. Vả lại ngôn ngữ của ta cho phép dùng điệp như vậy, như ta quen nói : ngày chủ nhật, đường thiết lộ, lời tục ngữ, sông Nhị hà, v.v. TĐPVPLCTKT dịch *droit constitutionnel*, chỗ thì ra luật hiến pháp, chỗ thì ra luật lập hiến hay lập hiến pháp.

chúng ta có cổ vấn Phi-luật-tân. Chúng tôi không biết lập Hiến-pháp cho Đệ-nhị Cộng-hòa, có cổ vấn ngoại quốc nào không? Vậy, chúng ta gặt ra ngoài những nhà làm chính trị, vì họ không cần đến những danh từ chính trị và công pháp ; và chỉ còn trông mong vào những nhà nghiên cứu chính trị, các luật gia và giáo sư. Trong số này không thiếu những người được các trường Đại-học trứ danh tại Pháp hay Mỹ cấp cho văn bằng vào hạng thượng thặng như thạc sĩ và tiến sĩ. Thế thì tại sao lại có kẻ sách sĩ kia phàn nàn rằng ta thiếu danh từ chính trị chính xác?

Tạo ra danh từ chuyên môn không được chính xác, là có nhiều lẽ. Hoặc ta không hiểu thấu nội dung danh từ của Tây-phương, nên không diễn đạt được rõ ràng. (Pháp ngữ có câu : « Ce que l'on conçoit bien s'énonce clairement. ») Hoặc ta không đủ « vốn » về tiếng Hán-Việt, không biết rành rẽ ý nghĩa tiếng Hán-Việt dùng để tạo ra danh từ chuyên môn. Hoặc nữa ta dùng làm tài liệu những bộ từ điển sẵn có của Tàu và Nhật, mà vì lười biếng hay cầu thả, ta không kiểm lại xem những danh từ họ dùng có chính xác hay không. Chúng tôi đã viết rằng chưa hẳn người Trung-hoa — và chúng tôi thêm : người Nhật-bản — dịch những danh từ chuyên môn của Tây-phương, đã đúng (x. Tân Văn số 6, tháng 10-1968, tr. 55).

Hiện giờ, trong các từ điển Pháp Việt, cuốn Đào Duy Anh, theo ý chúng tôi, vẫn là cuốn có giá trị hơn cả, mặc dầu xuất bản từ trên 30 năm nay (in lần thứ nhất năm 1936, về sau nhiều lần in lại). Nhưng, ở đời có cái gì là hoàn toàn, và PVTĐ Đào Duy Anh khỏi sao có chỗ sai lầm và thiếu sót, — chính soạn giả cũng đã nhận như vậy trong bài tựa. Hơn nữa, chỉ có một mình Đào quân biên soạn, mà ai là người toàn trí toàn thức? Gia dĩ ông không phải là nhà chính trị học hay là luật gia. Cho nên dù ông không phân biệt *fédération* với *confédération*, không phân

biệt *gouvernement représentatif* với *gouvernement parlementaire*, dù ông bỏ sót *Etat fédéral* và *gouvernement présidentiel*, chúng tôi tưởng cũng không nên trách cứ ông.

Trái lại, ta không dám coi tác giả *Từ điển Pháp Việt pháp luật, chính trị, kinh tế*, là người không hiểu thấu những danh từ Pháp dẫn trên. Dẫn tả những ý niệm ấy không được chính xác, phải chăng tác giả *TĐPVPLCKT* kém về tiếng Hán Việt? Hay là cái « vốn » Hán Việt cũng khá, nhưng các ông lại quá cầu thả?

Cái cầu thả của người mình có khi đưa đến kết quả tức cười. Chúng tôi xin đơn cử tí dụ sau. Có một ông nghị viên, tốt nghiệp trường Đại-học Luật-khoa Hà-nội, đã từng làm tri huyện cuối thời Pháp thuộc, bênh vực chính thể tổng thống, đã hết lời chê chính thể đại nghị, đáng lẽ thì phải chê chính thể thủ tướng (*gouvernement parlementaire*). Chê chính thể đại nghị (*gouvernement représentatif*), thành ra ông đã chê chính cái tạo ra ông.

Nói chung, thì không riêng gì phạm vi chính trị học và công pháp, mà nhiều môn học của ta còn thiếu một hệ thống danh từ chuyên môn chính xác. Danh từ chuyên môn không những cần chính xác, mà còn cần nhất trí nữa, mới khiến cho nền học thuật của ta chóng tiến bộ được. Đó là trách nhiệm của Bộ Văn-hóa, Bộ Giáo-dục, mà cũng là công việc của các Viện Đại-học.

TRƯƠNG VĂN CHÌNH
(Cần-thơ, 15.4.1969)

DOÃN QUỐC SỸ

SÀU MÂY

truyện

3

HÌNH NHƯ HUY ĐỢI MỘT CÔ GÁI MỸ KHÁC, KHÔNG phải như Crys hiện ở trước mặt chàng. Hình như Huy đợi một cô gái Mỹ như các cô bạn đồng học với chàng chẳng hạn, lanh lẹ, thẳng thắn, bất thiệp, niềm nở nhưng thường thì vẫn có cái gì máy móc, hời hợt. Hình như về cách phục sức Huy cũng đợi gặp một cô gái Mỹ khác, có thể là nàng mặc thử váy hoa, váy màu chẳng hạn. Hình như thâm tâm Huy cũng chuẩn bị một bầu không khí gặp gỡ khác : sự chào hỏi niềm nở hồn nhiên của chính chàng nhưng rồi câu chuyện dù vui đến mấy bất quá cũng như chiếc phao màu chỉ lấp lánh bập bềnh trên mặt sóng xanh. Nhưng không, mọi sự việc xảy ra khác hẳn. Cánh cửa mở, một khuôn mặt trắng hồng, đôi mắt xanh lơ như mở rộng vào một thế giới tâm linh vừa lung dị vừa phức tạp, vừa bình thản vừa đam mê.

— Hương đã nói nhiều về anh — những lời đầu tiên Crys nói với Huy — Hương còn cho tôi xem mấy tập

(*) Xem từ TÂN VĂN số 11.

thơ mà anh là tác giả. Những trang thơ in chữ ngả đẹp lắm, nếu như tôi lại hiểu được nghĩa những trang thơ đó chắc hẳn tôi có được thêm nhiều hạnh phúc nữa !

Huy đương ngỡ ngàng tìm hiểu ý nghĩa câu nói hình như ngộ nghè « chắc hẳn tôi có được thêm nhiều hạnh phúc nữa », thì Crys đã giơ cao trước Hương một trong hai cuốn sách xinh nhỏ nàng cầm ở tay :

— *To my friend Hương. My happiness finds you everywhere.*

Hương đỡ lấy sách :

— Cảm ơn, cảm ơn Crys lắm ! Có thật thế chẳng, tình bạn của tôi góp phần hạnh phúc cho đời bạn ?

— Thật chứ ! Ồ, thật lắm chứ !

Crys đã chạy thẳng tới chỗ chiếc tape-recorder, ấn nút. Băng quay. Điều nhạc vừa đủ ấm tràn ngập căn phòng xinh. Khúc một, Adagio, trong bản Sonata số hai này của Benedetto Marcello bỗng như viên ngọc bích óng ánh một màu sáng dịu trong bóng tối nhưng tơ của khoảng tiền bán thế kỷ thứ XVIII, khoảng Marcello theo gót Domenico Gabrielli và Guiseppe Jacchini viết những tấu khúc riêng cho cello. Crys đứng thẳng người, nhìn nghiêng nét mũi dọc dừa của nàng thành một nét điều khắc tuyệt vời, nét ngực nàng thành một đường vòng kiêu hãnh (hình như ngoài ý muốn của nàng). Chiếc blouse nàng mặc đồng màu với váy, một màu huyền ngọc như nhung. Crys đã tiến lại đứng bên Huy đúng như ý Huy ao ước, tựa như niềm ao ước chột thiết tha của Huy đã hút ý nghĩ của Crys và chính Crys nữa lại gần.

Crys nói khẽ với Huy, tiếng nàng lẫn vào tiếng trung hồ cầm réo rắt, hỏi han rồi ngân dài :

— Tôi vẫn yêu tiếng cello, mặc dầu tôi học về vĩ cầm.

Huy đáp :

— Tôi cũng vậy, thoát yêu vĩ cầm nhưng rồi nhiều khi buồn nản về cõi thế, về tình hình đất nước, tôi nghiêng dần lòng thương mến về cello. Tiếng đàn trầm đó nhiều khi như thủ thủ ngổ lời tâm tình, nhiều khi như diu tư tưởng của tôi đi vào chiều sâu của suy tư.

Chờ cho khúc nhạc dứt Hương nói :

— Thôi chúng mình ăn đi thôi, rồi đi nghe nhạc là vừa.

Huy ngạc nhiên :

— Ủa, nghe nhạc ở đâu thế cô ?

— Đó là điều bất ngờ em dành cho anh, đến bây giờ có Crys mới nói. Ăn xong chúng ta đi nghe tiếng đàn của Crys.

— Không phải là của riêng tôi đâu Huy — Crys phủ chính — tối nay ban nhạc đại học tổ chức cuộc hòa tấu thường lệ gồm nhạc của Handel, Beethoven và nhạc mới, tôi có bốn phần tham dự với cây vĩ cầm vì có tính điểm thực hành cho khóa trình của tôi.

— Ăn xong chúng ta đi thẳng đến thỉnh đường của nhà trường với Crys ? — Huy hỏi Hương.

— Vâng, trường chúng em ngay gần đây thôi, mười lăm phút lái xe.

Crys đặt cuốn sách nhỏ nàng còn cầm trong tay lên bàn viết của Hương, đó là cuốn sách Thiên, Huy nhận ra thế.

— Liệu Crys có hiểu về Thiên không ? Huy hỏi.

— Tôi cố gắng đấy. Tôi biết, với Hương với Huy là những người Đông-phương nên đọc về Thiên không hề bỏ ngõ, nhưng với tôi thì... quả là tôi phải cố gắng nhiều. Được cái quyển sách tôi mới mua đây gồm toàn những giai thoại về Thiên rất ngộ nghĩnh, rất dễ hiểu. Anh Huy còn ở lại Chicago bao lâu ?

— Tôi chỉ ở lại đây có bốn ngày nghĩa là cho hết weekend này, rồi lại trở về Nashville cho kịp khóa học mùa thu.

— Tốt lắm, có truyện nào tôi đọc không thấu ý nghĩa tôi sẽ hỏi anh. Anh sẵn lòng giúp tôi chứ, anh thi sĩ !

Crys cười cùng với Hương, Huy cười theo :

— Rất sẵn lòng !

Mọi người đã ngồi vào bàn ăn. Huy hỏi Crys :

— Crys có mang theo vĩ cầm ?

— Có, tôi để ngoài xe.

Hương dừng dậy tới tape-recorder hạ thấp âm thanh thật dịu chỉ vừa đủ nghe. Nàng nói :

— Chúng ta sẽ vừa ăn vừa nói chuyện trên nền âm thanh này. Cả cuộn tape thuần là những tấu khúc viết cho cello của các tác giả thế kỷ thứ XVIII.

Rồi khi đã cùng ăn, vô tình câu chuyện chỉ xoay quanh về âm nhạc. Thoạt Hương hỏi Crys :

— Chắc hôm nay ngoài phần âm nhạc cổ điển, trường nhà có trình bày thêm loại nhạc mới ?

Crys gật đầu :

— Đó là chủ trương của ông khoa trưởng luôn luôn muốn thính giả ôn cái cũ và làm quen với cái mới. Phần cổ điển thì ban nhạc chơi *Firework's music* của Handel, đệ tam đại-hòa-tấu khúc *Eroica* của Beethoven. Phần nhạc mới là một tấu khúc ngắn ; ban nhạc sẽ chia làm bốn toán nhỏ, một toán ở trên sân khấu do nhạc trưởng chính điều khiển ; một toán đối diện ở gần cửa ra vào, hai toán nữa ở hai bên tả, hữu trên gác, ba toán sau đều do các nhạc trưởng phụ điều khiển. Khi tất cả bốn toán cùng cử nhạc sẽ cho thính giả một cảm giác

lạc lõng như những âm thanh của cuộc đời không dính líu đến nhau nhưng vẫn vô tình phát ra cùng một lúc.

Hương xin lỗi Crys để quay lại nói với Huy bằng tiếng Việt một phút :

— Em không ưa những gì thuần trí thức tách rời khỏi thiên nhiên, anh nghĩ sao, nó dễ trở thành một trò ngụy trí thức, một trò làm dáng trí thức. Kể sáng tác thì gặt gù tự đắc ra vẻ ta đây đạt đến tinh vi của nghệ thuật, kể thưởng thức cũng gặt gù ra vẻ ta đây biết thưởng thức đến tinh vi của nghệ thuật. Tội nghiệp, em chỉ thấy họ đi vào chi ly để chết cứng trong đó, là em nói những kẻ sáng tác, và ngay cả khi biết mình sắp chết cứng, họ còn ra vẻ tự đắc trong cái tự ý thức là mình lên cây thánh giá cho nghệ thuật... thuần túy. Không hiểu sao cứ mỗi khi gặp một hình ảnh của thứ trí thức chết cứng đó em luôn luôn liên tưởng đến hình ảnh một quái thai óc đầy mà tim rỗng, hoặc hình ảnh thân xác thì khổng lồ, xương to, thịt ụ, mà nhịp tim đập thì ngơ ngẩn như tim đứa trẻ thiên tiên bất tức hấp hối trên nôi.

Hương cười, quay sang Crys nói bằng tiếng Anh đại ý những điều nàng vừa nói với Huy. Crys gật đầu :

— Tôi hiểu và đồng ý với Hương và chính vì vậy tôi mua tặng bạn quyển sách nhỏ kia *Happiness is Everywhere* ». Bạn luôn luôn có thể tìm thấy hạnh phúc thực ở những điều thật đơn giản : một tia nắng sớm lọt qua cửa sổ, một bất chợt thay đổi thời tiết hay một niềm vui chia sẻ... và

*and when happiness seems
to be nowhere around,
remember... it's waiting
just to be found.*

— Đó là Thiền đấy Crys ạ — Huy nói ngay với Crys — Thiền chính là cách biết hòa mình thành một niềm vui thật thoải mái ở những cái thật đơn sơ. Tự một nguyên tử đơn sơ làm nổ bùng ra ánh hào quang bao la dịu mát của niềm vui niết bàn nội tâm, ấy là Thiền !

Tự nhiên Crys có nụ cười lẳng lơ hỏi Huy :

— Bài học đầu tiên về Thiền của anh đấy phải không, anh thi sĩ ?

Chưa kịp đợi Huy trả lời, Crys vội đứng dậy, tới *Tape-recorder* sửa cho âm thanh một khúc *Adagio* khác lớn thêm một chút. Tiếng *cello* thật ngọt ngào. Crys còn dừng lại nơi đó giây lâu, những nếp váy của nàng rung rinh cùng với tiếng láy nức nở của *cello*. Khi Crys trở lại chỗ ngồi, tiếng *harpsichord* còn phở thêm vài nét thô sơ, yếu ớt, nhũn nhặn. Cái nhìn của Crys đặt về phía Huy nửa như hỏi ý kiến, nửa như đợi một lời phê bình. Huy nói để trả lời cái nhìn đó :

— Tiếng *Harpsichord* không tròn trĩnh khoẻ mạnh như tiếng dương cầm, nghe như tiếng người em gái non dại, lòng đầy thương mến quẩn quýt theo anh, theo chị, nhiều khi nhắc lại lời anh, lời chị thành một tiếng vang thơ ngây.

Crys nói, giọng chân thành :

— Tôi vẫn nghĩ giả đọc và hiểu được nội dung những bài thơ của Huy, tôi sẽ có thêm hạnh phúc rất nhiều. Hương sẽ dịch cho mình nghe nhé, chịu không ?

— Dịch là phản, ai lại phản anh Huy ! — Hương cười đáp.

Crys quay sang nói với Huy :

— Huy sẽ dịch cho tôi nghe một vài bài vậy.

— Tôi sẽ dịch cho Crys nghe — Huy đáp — một bài ca dao Việt-nam, sẽ kể cho Crys nghe một truyện

cổ tích Việt-nam, đó là những điều tôi vẫn hằng làm với những người bạn Mỹ của tôi, và đó cũng là cách tập dượt cho luận đề cao học mà tôi sẽ chọn vào khoá xuân, sau khóa thu sắp tới.

— Có khó lắm không, dịch ca dao và dịch truyện cổ tích Việt-nam ? — Crys hỏi.

Huy lắc đầu :

— Nội dung những thứ đó có thừa phong phú để dù Anh vẫn mình có tối, dịch ra vẫn cứ hay, tôi dám quên nhũn nhặn và cam đoan như vậy đó. Câu chuyện, câu thơ, tự nó đem ánh sáng cho văn dịch. Có khi văn dịch càng thơ ngây càng hợp.

Hương hơi dướn lông mày, tủm tủm cười bảo Crys :

— Việt-nam là quê hương của ca dao, của truyện cổ tích mà !

Crys tròn mắt nhìn Hương :

— Ô, tôi biết !

Hương tiếp :

— Rồi đây khi có hòa bình, tôi đưa Crys về quê tôi, hưởng gió đồng, đi chân đất trên cỏ non và nói chuyện với những người Việt-nam thật. Đấy mới là những người Việt-nam thật ! Chứ như tôi đây, anh Huy dày chằng qua thuộc vào thành phần được ưu đãi, hư thân mất nết đi nhiều rồi. Tôi nhớ mang máng một lời di chúc của Nehru, ông muốn sau khi thân xác ông đã được hỏa thiêu, xương cốt được tán nhỏ, ông xin những thứ đó được rắc lên đồng ruộng Ấn để ông được trở về với người dân quê Ấn đau khổ và trung thực muôn đời. Crys bây giờ đến Sài-gòn, nhìn vào một chiếc xe cực kỳ bóng loáng, bên ngoài có cắm quốc kỳ Việt-nam, bên trong ngồi một ông có thể mặt mũi phì nộn hay gầy gò nhưng mười phần thỏa mãn (tại ngân hàng ngoại quốc, ông đã có một trương mục riêng) bảo ông ta là người

Việt-nam thì tội nghiệp cho những người Việt-nam trung thực sống ở vùng quê kia biết mấy !

Hình như Crys đã quen với câu chuyện của Hương lắm, đôi mắt nàng mở rộng nhìn Hương rồi nhìn Huy, im lặng, sự im lặng của cảm thông, của chia sẻ.

•

Huy đưa Crys xuống thang ra xe trước, trong khi Hương còn ở lại thu xếp nốt mấy thứ vật rồi ra sau.

Crys chỉ cho Huy thấy chiếc xe màu sơn xám :

— Xe của tôi đó.

Huy cười :

— Thật là kỳ, Crys cũng dùng thứ nước hoa *Outdoor man* tôi thường dùng, bây giờ lại cũng đi thứ xe tôi thường đi, chiếc Ford Mustang.

— Xe anh màu gì ?

— Màu trắng sữa. Nói là của tôi thì không đúng, của bốn anh em chúng tôi cùng học ở đó.

— Huy muốn lái xe tôi ?

— Để tôi lái cho. Đường tới đại học phía nào ?

— Cứ đi thẳng, mỗi khi nào ngoẹo, tôi báo trước.

Hương đã ra tới nơi cả ba cùng ngồi trên hàng ghế trên. Huy cho xe chạy và nói với Crys :

— Dịp Giáng-sinh vừa qua tôi đi dự một seminar ở Boston nên có dịp được nghe *Messias oratorio* và *Firework's music* của Handel.

— Do ban nhạc đại-hòa-tấu Boston chơi ? — Crys hỏi.

— Đúng với *Firework's music*. Còn *The Messiah*, tôi theo dõi trên T.V., ba tiếng liền.

— Anh có ý kiến gì về *Eroica* của Beethoven ? Bài nộp kỳ tới tôi viết về khúc đại hòa tấu này.

Huy giữ cho tốc độ xe chạy vừa phải dọc theo đại lộ Michigan, đôi môi chàng hơi mím lại suy nghĩ, chàng đáp :

— Đây là ý kiến hoàn toàn của riêng tôi một người Đông-phương thưởng ngoạn, chắc chắn chẳng trùng hợp với bất kỳ một ý kiến nào trước đây. Tôi thấy mọi giai điệu trong *Eroica*, Beethoven chỉ cho mình nghe thòm thém rồi lập tức để nó chạy trốn vào đám âm thanh tit mù. Đôi khi mình có bắt gặp chúng thấp thoáng ẩn hiện ở một vài bề khác như một bóng ma đương tự dẫn lối mà đi để hoàn tất lấy giai điệu khao khát trong tâm tưởng. Nhưng thường thường người nghe vẫn chỉ thấy khao khát mà ít được hưởng trọn vẹn, thành thử đậm nét nhất vẫn chỉ là một cảm giác khát khao. Thực khác hẳn với Handel chẳng hạn, giai điệu tròn trĩnh như những luồng cây có đầu có cuối vuông vắn ; hay với Mozart giai điệu vừa tròn trĩnh lại vừa uyển chuyển như én liệng ngày xuân.

— Cảm ơn Huy, tôi sẽ suy nghĩ và đào sâu những ý kiến đó, chắc chắn chúng sẽ giúp tôi không ít trong bài nộp tới.

Chẳng hiểu nghĩ sao Crys bỗng hơi cúi đầu tiếp :

— So với Hương với Huy, tôi tự thấy kém cỏi bao nhiêu. Các bạn nói hai thứ tiếng dễ như bốn, tôi chỉ nói được có thứ tiếng mẹ đẻ của mình. Mọi vấn đề các bạn đều có được cái nhìn sâu sắc của chính mình...

Huy cười buồn rầu :

— Crys đừng quên rằng nước tôi đương nội chiến. Giả như nước chúng tôi có được bậc lãnh đạo giỏi, có thể sự hiểu biết nhỏ mọn của chúng tôi đóng góp được một cái gì, nhưng hiện giờ thì đó chỉ là những cái biết lỗi, những cái biết phù phiếm... Uả chúng ta sang khu da đen rồi.

Hương nói :

— Không sao, ngã tư tới anh sẽ rẽ tay mặt cũng được.



Lần này ban nhạc hoà tấu tại thính đường lớn nhất của đại học. Crys là một trong sáu đệ nhất vĩ cầm ngồi ở ngay hàng đầu, bên tay trái. Trông xa màu huyền của bộ đồ nàng mặc càng ngợp mịn và càng làm tăng vẻ trắng ngà ngọc của cánh tay nàng, cánh tay tròn trĩnh mũm mĩm. Mỗi lần nàng chơi *tremelo*, Huy có cảm tưởng như chính tiếng nhạc đó đang chau chuốt cho cánh tay ngà ngọc của Crys đẹp mãi với thời gian. Một lần nghe tiếng cello dẫn đầu ban nhạc, Huy bỗng liền tưởng đến một nét nhạc cho cello của Giovanni Battista Pergolesi, con người tài hoa chết vào năm hai mươi sáu tuổi. Và Huy chú ý đến mái tóc nâu hồng của Crys lúc đó hơi rung động ngay trên bờ vai nàng chút ít cùng với một cảm giác buồn rầu tự hỏi : « Biết đâu Crys cũng có thể chết vào năm hai mươi sáu tuổi như chàng nghệ sĩ tài hoa Pergolesi ! » Huy hiểu ý nghĩ đó là do ảnh hưởng tự những giấc mộng sâu, biến thái của niềm tủi cực đất nước, chớ chàng đâu còn ở tuổi lãng mạn mười chín, hai mươi. Chàng chăm chú say mê hơn cánh tay trắng muốt như hoa ngọc lan của Crys. Cánh tay được nhạc chau chuốt sẽ đẹp mãi, sẽ ngà ngọc mãi mãi với thời gian ; hay nên nói : không có thời gian trên cánh tay chơi nhạc đó, dù nhạc là một kiến trúc trên thời gian.



Cuộc hòa tấu bế mạc. Ra xe, vừa lúc Huy cho nổ máy thì có tiếng ai nói tiếng Việt :

— Chán đời lắm cậu ơi, vận nước mình nó thế biết làm thế nào.

Hương nói nhanh :

— Hai anh bạn Việt này học cùng lớp với em đấy anh Huy.

Anh thứ hai đáp lời bạn, giọng nửa cảm khái nửa khôi hài :

— Sống ở nước mình bây giờ thì hoặc cả ngày chỉ rửa phôi bọt mép, hoặc cảm cha nó miệng lại, sống như khúc gỗ, chẳng cần biết đến ai và thấy kẻ ai muốn khinh khi mình ra sao cũng được, kể cả chó.

Huy cười lớn ngoài cổ ra :

— Nếu chó nó khinh mình thì chó nó xấu hổ chứ mình việc gì mà xấu hổ !

Rồi Huy cho phóng xe liền, tuy nhiên chàng còn kịp tiếp nhận tiếng cười đồng tình của hai chàng trai Việt, một trong hai chàng lớn tiếng :

— Ê, anh bạn đồng hương nào đó ?

Hương nói với Crys :

— Hai anh bạn đó học cùng lớp với tôi đấy, Crys.

Huy nói :

— Bây giờ, nếu tôi không lầm, ta cứ đi thẳng đây cho tới khi gặp Michigan Avenue, sẽ tới Grant Park, dừng lại khoảng Buckingham Fountain để vừa ngắm cái lâu đài nước phun đó vừa nói chuyện, cho đến mười hai giờ khuya thì tôi về phòng trọ Y.M.C.A của tôi gần đấy !

Tiếng Crys :

— Anh mới tới Chicago hôm nay mà đã có vẻ thành thạo ghê.

— Có gì đâu, đến Chicago hồi tám giờ sáng, thuê xong phòng ở Y.M.C.A. gọi *phone* đến cho Hương không

gặp, tôi bèn nhảy luôn lên xe của hãng du lịch Grey Line, du ngoạn Chicago tức khắc.

— Sao anh không viết thư cho Hương báo trước ?

— Có đấy chứ, báo là sẽ tới vào dịp này.

— Sao không báo đúng ngày giờ anh tới ?

— Nếp sống Đông-phương ghét kiểu hẹn thành *dead line* !

Crys gật đầu :

— Tôi hiểu ! Thế nhưng này anh Huy, đi cả ngày như vậy không mệt sao ?

— Sao chiếu mệnh của tôi như vậy, càng đi càng cảm thấy tinh thần sảng khoái, nhưng lát nữa về phòng trọ, nằm vật xuống là ngủ liền.

Crys mỉm cười chăm chú quan sát ánh mắt Huy khi biểu lộ sự thực lý thú đó.



Tháp nước Buckingham Fountain từ sau mười giờ khuya đã cho phun tới tối cao độ với ánh đèn bảy màu cầu vồng thay đổi. Ngôi nhà chọc trời Prudential gần đó như bóng một anh khổng lồ mặc áo ánh sáng tì tay vào lan can dõi nhìn tháp nước trò trẻ. Vệt đèn pha từ đỉnh một ngôi nhà chọc trời khác như đuôi một vì sao chổi luôn luôn quét tròn trên vòm trời Chicago như một thứ ánh sáng thần linh để bảo vệ mọi bất trắc cho Chicago.

Quả như lời, khi tạm biệt Hương và Crys trở lên phòng trọ, Huy chỉ kịp cởi bỏ bộ đồ ngoài, còn mặc nguyên áo lót mình ngủ vùi.



Đã từ lâu Huy suy nghĩ nhiều về nước Đại-hàn, một nước có thể coi như đồng hội đồng thuyền với Việt-

nam về nhiều phương diện : cũng bị nạn ngoại xâm, cũng qua cầu muôn vắn cay đắng của kinh nghiệm cộng sản, cũng bị qua phân, cũng một thời bị kẻ cầm đầu lạm dụng quyền hành như anh em tên Diệm tại xứ nhà, nhưng may thay cho Đại-hàn, tự dân người lãnh đạo xứ họ bỗng xuất hiện người có đủ uy quyền và sáng suốt để lái con thuyền quốc gia ra khỏi cơn giông tố mà cả hai ngọn sóng ụp tới đều nguy hiểm cả, ngọn sóng cộng sản vùi vùi tàn bạo và ngọn sóng viện trợ đô-la luôn luôn muốn biến kẻ chia tay nhận viện trợ thành gia nô. Dân Đại-hàn đáng lấy làm hãnh diện vì người lãnh đạo xứ họ quả đã *trực tiết tâm hư*, tự biến mình thành con thuyền nhẹ bỗng, lòng sạch không, sóng đỏ cuồng loạn mà chẳng đánh đắm được thuyền, sóng đô-la quán quýt ve vướn lấy thuyền thì được mà chẳng thể chìm thuyền xuống vũng lầy gia nô.

Huy mơ thấy mình đang rảo bước trên con đường « rầy » xe hỏa của sứ Đại-hàn nhiều núi non. Đường « rầy » rộng của loại xe hỏa tối tân, không khí trên cao sạch và mát lạnh. Dưới chân Huy đôi lúc rung lên như động đất, chắc còn một đường hầm xe hỏa chạy ngầm bên dưới. Đi mãi tới một ga lớn chàng mua vé để tới thăm Crys tại một trường nòng dạy. Nàng thuộc đám thanh niên thiện chí phục vụ hòa bình. Rồi thay Huy tới nhằm ga, chàng phải đi ngược sườn núi để sang bên kia. Tuy đây là vùng sơn cước hẻo lánh mà hai bên đường, nhà cửa đều khang trang, đầy đủ tiện nghi, điều làm Huy trạnh lòng nghĩ đến quê nhà khắp nơi xem lửa chiến tranh.

Đường núi quanh co, Huy lạc lối, chàng gặp một bác nông phu chít khăn đầu riu đi tới và chàng hỏi đường, bác trả lời Huy bằng tiếng Việt-nam, bác chính là người Việt-nam sang lập nghiệp nơi đây từ lâu mà chưa quên tiếng mẹ đẻ. Bác đưa Huy tới một ga xép, nơi đây đường « rầy » xe lửa được đặt trên một chiếc cầu đá hẹp và dài hun hút. Huy leo lên

cầu xem xét đường « rầy ». Vẳng như có tiếng xe lửa sắp tới. Một người đàn bà Đại-hàn lên tiếng đầu dây : « Sao lại có người ngu xuẩn leo lên đường « rầy » khi xe lửa sắp băng qua ». Huy vừa tuột xuống thì quả nhiên đoàn tàu tối tân vút qua nhanh như một vì sao băng. Huy lên chuyển tàu đó ở ga xép này. Đoàn tàu lại vút đi như sao băng đưa Huy đến nơi có trường Crys dậy. Crys đã mệnh yếu. Phải rồi tấu khúc cho cello đó là của một nhạc sĩ tài hoa chết năm hai mươi sáu tuổi. Huy nhớ là khi Crys đứng thẳng người bằng khuâng lắng nghe khúc đó, chiếc váy màu huyền của nàng rung rinh thành một nếp nhăn cùng với tiếng láy nước nở để chuyển sang nét nhạc mới. Crys cũng chết trẻ như chàng nhạc sĩ đó là phải. Huy trở về chỗ cũ đi lang thang đi miết mãi trên quãng đường sắt vắng lặng, dưới chân chàng mặt đất vẫn rung lên vì luôn luôn còn những đoàn tàu khác di chuyển ngầm bên dưới. Những đoàn tàu không nghỉ ngơi, chính Huy cũng không nghỉ ngơi, chàng vẫn miết mãi đi tìm đường sắt, nhưng chàng mừng rằng Crys đã được nghỉ ngơi rất thanh thoi dưới lòng đất...

Huy sực tỉnh nghe cõi lòng se sắt. Đó lại là giấc mộng sâu như trăm ngàn giấc mộng sâu. Lần này Huy nằm yên, để nguyên cho cảm giác bằng khuâng tê tái phủ lấy hồn chàng càng lên chừng nào càng hay chừng này, chàng muốn chúng biến thành một thứ mây sâu dùn lên cao như thành thì được nhưng biếng lười không thể đi xa vì không gặp gió. Chàng cũng chẳng muốn rọi lý trí vào để ôn lại tình tiết giấc mộng, bởi kinh nghiệm nhiều lần cho hay những giấc mộng như vậy chỉ có thể nhắm mắt mà sống với chứ không thể khách quan ôn lại như ôn lại một câu chuyện cổ tích. Khi có ánh sáng không những bóng ma không còn, kể cả kỷ ức về bóng ma cũng trở thành ngớ ngẩn.

(Còn tiếp)

DOÃN QUỐC SỸ

Vũ Hoàng Chương

Nữ thần hôm qua

Em là cô gái cảm cung
Giữa đêm đóng hộp giữa nhung mờ màn
Tính từ phân khối hồng nhan
Để lừa ngay cả Thời-gian vào chuồng
Sá chi ngựa vĩa trâu cuồng
Trở bàn tay bắt hay buông mặc tình
Bao phen thử lại phương trình
Không cho nghiệm số mang hình trái tim

Chiều nay bóng đá chân sim
 Tiếng ve gọi cái duyên chìm với xuân
 Nhát dao chọt nhẹ đồng cân
 Trong tia mắt của Nữ-thần-hôm-quá
 Thôi rồi mỗi tấc thịt da
 Xuống thang nhiệt lượng trên đà nấu nung
 Hộp đêm vỡ lở dần khung
 Kéo theo kích thước màn nhung gãy lìa

Quanh phường Dạ-lạc hôn mê
 Vòng đai sao rụng chưa hề có tên
 Vượt sông Ngân tới cầu duyên
 Phút giây đổi hướng phi thuyền người Thor
 Lửa ma trời tắt bao giờ
 « Em đây ! » một vọng âm mờ ngàn sau

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

(Sài-gòn, 1969)

TRÙNG - DƯƠNG

QUA CƠN NẮNG LỬA

truyện ngắn

Người đàn bà trạc độ ngoài ba mươi, đầu tóc sử sạo, bần thủ, quần áo sộc sếch nhưng là một thứ sộc sếch của loại áo quần hợp thời trang cách đây khoảng mười năm. Khuôn mặt nàng khá đẹp, thanh tú song lắm lì xa xôi. Đôi khi cơn điên đại nổi lên, nàng đi lang thang không biết mệt và hay hát những bài ca tiền chiến đứt quãng. Nhưng cũng đôi khi cơn điên đại đó được thể hiện qua việc nàng ngồi bất động như tượng đá trên cát, không nhìn ai, không nhìn cái gì cả. Tôi tưởng tượng nếu có ai búng nàng đi một chỗ khác nàng cũng không phản ứng. Và khuôn mặt sàu thẳm như hình ảnh Đức Bà trong tác phẩm *La Pietà* của điêu khắc gia Michelangelo.

Tôi hỏi người đàn ông chài lưới đang ngồi vạ lưới dưới tàn cây bàng :

— Có bao giờ bà ta nghĩ đến chuyện tự tử không ? Những vách đá kia và biển cả đó...dễ mà...

Người đàn ông không ngừng tay, đáp lời tôi :

— Điên thì còn nghĩ đến gì nữa ? Bả cứ vậy thôi, chẳng làm hại đến ai bao giờ. Hoặc là hát, hoặc là im lặng như đá. Người trong vùng quen với bà. Trẻ con đôi khi đến chọc ghẹo, nhưng bị người lớn la nên cũng bót.

— Buổi tối bà ta ngủ ở đâu ?

— Gia đình bà ta rất khá giả. Sau khi đã chạy chữa đủ cách không thấy khỏi, đành tậu cho bà một căn nhà ở đây và cho người trông nom săn sóc cho bà. Bà ta thường thích ngủ trên cát hơn, kêu là giường nệm làm bà ta đau mình, cát êm hơn.

— Ngủ ở cát ngay ngoài bãi này ?

Người đàn ông gật đầu, vẫn chăm chỉ đan lưới :

— Trước kia kia. Chứ còn bây giờ, nhất là sau vụ bà ta bị thằng Mỹ đen say rượu làm bậy đến nay, bà ta bị ép đưa về nhà mỗi tối. Riết rồi như gà què mình nuôi đêm xuống tìm đường về chuồng ấy mà...

Đến đây, có tiếng đứa con gái của người đàn ông gọi từ dưới bãi. Ông ta buông lưới và chạy vội xuống giúp vợ con một tay kéo mẻ lưới vào. Tôi nhận ra bóng dáng người vợ mặc quần áo đen đang gắng sức cùng với đứa con kéo lưới vào. Mỗi mẻ lưới chẳng được bao nhiêu cá, toàn cá nhỏ. Người đàn ông bảo tôi cũng chỉ đủ thức ăn cho gia đình ấy mà cô. Đôi khi vợ tôi và con bé lớn chạy đi kiếm ít đồ hộp tại Mỹ dư dùng đem bán về bán lại cho bà con kiếm ít tiền đóng gạo, cuộc sống kéo dài như vậy từ ngày thằng con lớn bỏ mình ngoài biển mang theo chiếc thuyền sản nghiệp của cả gia đình.

Tôi nhìn người đàn bà điên dại ngồi bất động như tượng đá trên bãi.



« Miền Biên, ngày 29-3.

« Anh,

« Đây là lá thư thứ mấy, không biết nữa, em viết cho anh mà không gửi. Nhưng em cảm thấy không thể không viết cho anh. Đôi khi em thu hết can đảm để bỏ một lá thư vào phong bì, đề tên anh, dán tem và quyết định mang đến bưu điện cùng với những lá thư khác. Nhưng kết quả là em lại trở về với lá thư định gửi cho anh còn lại trong « sắc » tay. Em lại xé lá thư ra, đọc

lại và xếp vào một chỗ. Rút cục, em làm suu tầm chính những lá thư em viết cho anh. Đôi khi em nghĩ một cách khôi hài là biết đâu em sẽ trở thành điên như người đàn bà em gặp trên bãi mỗi ngày và người ta sẽ lục được xấp thư có vết gấp mà không gửi kia, người ta sẽ đọc, người ta sẽ xuất bản và cuối cùng, chúng đến tay anh không do quyết định của em để anh chưa xót chơi, để anh ăn hận chơi. Nhưng, cố nhiên, như em đã nói, đó chỉ là một ý nghĩ khôi hài thôi. Mình điên được, đâu phải dễ, nhất là lại điên vì tình. Vậy mà mình vẫn khổ, vẫn đau, vẫn bị dẫn dắt, day dứt cho được, mới lạ chứ ! Và trong khi đó, mình vẫn có cả chục lý do để biện minh cho sự căm lạng của tình mình. Buồn cười thật, phải không anh ? Và cũng khó hiểu và khó chịu thật, phải không anh ?

« Em ra đây, tình ra đã được hơn một tuần. Tạm thời xa lánh cuộc sống bận rộn, u mê nơi thành phố khói bụi, chật hẹp ; xa lánh bạn bè, những chỗ ngồi quen thuộc, những khuôn mặt quen thuộc, những bản khoản không lối thoát cũng quen thuộc. Để làm gì ? Em chỉ biết rằng em phải đi, nếu không, em sẽ điên loạn mất, điên loạn với những gì quá quen thuộc đến bế tắc kia, điên loạn với một tình yêu chôn kín, điên loạn với việc đối chất với chính bản thân bỗng trở nên tầm thường kỳ lạ.

« Hôm thoát tiên ra đây, em buồn đến thê thảm — nhưng kỳ cục là trong nỗi buồn đó mình bắt gặp một niềm hạnh phúc cô đơn đến tuyệt vời. Em thuê phòng khách sạn, cái khách sạn đối diện với mặt biển, với mỗi lần hoàng hôn của ngày, mà em dự định sẽ thuê chung với anh nếu chúng mình cùng ra đây. Em muốn ở một mình, em muốn nghiền ngẫm nỗi đơn độc trong ý nghĩ về anh, về mối tình chưa được tổ giữa chúng mình. Em dự định ở vài hôm rồi trở lại thành phố và bắt lại nhịp sống cũ nhưng với một tâm hồn tươi mát hơn nhờ được thở thiên nhiên. Nhưng được ba ngày thì em bắt đầu chịu không nổi. Em chưa bao giờ đi chơi xa một mình cả. Bao giờ cũng với một người, có thể chỉ là một người bạn, có thể là một người tình. Em nói ra vì biết anh không lạ đối với chuyện đó về em. Em lấy làm lạ vì trong chuyến xuất ngoại suốt mấy tháng trời, em vẫn thường ở khách sạn một mình một phòng. Dường như cái việc người con gái đến

thuê phòng một mình ở khách sạn tại nước ngoài không gọi cho ai một chút ngạc nhiên hay tò mò cả. Và em thân nhiên ra vào khách sạn, hẹn hò với những người bạn ngoại quốc đi ăn đi chơi. Và đôi khi em mời họ vào phòng em nói chuyện. Với những buổi tối lần về đến khách sạn một mình lần quay ra ngủ, không bận tâm gì ngoài nỗi nhớ nhà và mong mỗi chóng đến ngày về. Đôi khi em cũng cảm thấy đơn chiếc, lạc lõng, song cũng dễ dàng chấp nhận và chờ đợi ngày dứt công tác để về nước.

« Nhưng ở đây khác hẳn. Có lẽ vì chính mình tự nguyện nên bất cứ lúc nào mình cũng có thể và hoàn toàn tự do quyết định lại ? Và có lẽ phải chăng đó cũng chính là nguyên nhân khiến cuộc sống của em trở thành một thứ ôm đồm để rồi rút cục cái gì cũng thành ra dở dang cả ? Đôi khi em nghĩ nếu sinh ra trong một gia đình ở đó mọi sự đi lại, giao dịch bạn bè, học hành nhất nhất đều cần có sự đồng ý của một thứ cha mẹ tri thức, thương con và sẵn sàng đến độ gây ra những ràng buộc, như đa số bọn bạn gái của em, thì bây giờ em đã không là em hiện tại : thích làm gì thì làm, thích học gì thì học và bất cứ lúc nào cũng có thể bỏ tất cả những cái đang theo đuổi để khởi sự đi lại từ số không ở một phạm vi khác, để rút cục cái gì cũng là nửa chừng.

« Em đang sắp sửa lần về thành phố, bỏ ngang dự định « sống » ăn dật » trong một thời gian, thì một hôm đang đi lang thang ngoài chợ quận, em gặp bà đi. Chẳng nói chẳng rằng, bà quát cho em một mách, rằng là tại sao ra đây mà không ghé thăm bà ở, mà lại đi thuê khách sạn, rằng con gái con đưa ở một mình ở khách sạn không nên, chỉ có bọn gái chơi bầy bạ mới làm như vậy, rồi bà thắc mắc hay là em đi với thằng nào nên mới phải thuê khách sạn. Tự nhiên em trả lời là em đi với anh. Bà bảo bộ mày lấy chồng rồi sao. Em bảo chưa. Bà tròn tròn mắt. Em chỉ cười. Bà tiếp chúng mày đi chơi chung, ra cô cậu văn minh nhỉ, lại thuê phòng chung và ngủ chung nữa, gồm thật. Bố mẹ chúng mày học hạc nhau bỏ mặc chúng mày muốn làm gì thì làm. Hồng, hồng quá. Dột từ trên dột xuống. Em chỉ cười. Bà bắt em phải dẫn đến khách sạn tìm anh. Bà bảo bà phải gặp mặt anh, cho anh một mách, rằng thì là anh có thể coi thường bố mẹ em vì đã để em tự do quá trớn, nhưng anh phải biết là em còn

có bà là di em, dù đã từ lâu, bà giận bố mẹ em vì bà xui mẹ em bỏ bố em vì những bề bối lực đức trong gia đình, nhưng mẹ em không chịu, rồi bố em biết chuyện đuổi bà đi và thề chết cũng không nhìn mặt bà nữa. Em chỉ cười và rưng rưng nước mắt một niềm vui sướng mơ hồ. Em tưởng tượng nếu những ngày ở đây được sống với anh, chắc chẳng còn gì hạnh phúc hơn và đó phải là tuyệt đỉnh hạnh phúc của một trong những cuộc tình em đã trải qua — cuộc tình của anh và em, cuộc tình đã chẳng được nói nên lời, đã được thời gian và lòng cảm mến, kính trọng đúc kết nên, và em tin đó phải là một cuộc tình vĩnh cửu. Nhưng bởi cái ý nghĩ về một thứ tốt đỉnh hạnh phúc kia đã thức dậy trong em một niềm lo âu. Bởi vì sau cái tốt đỉnh đó là gì ? Em đã dừng dừng lại. Cùng một lúc em muốn được hưởng với anh những ngày cuối cùng còn lại trước khi anh lên đường nhập ngũ, sống với một số dự tính anh lập ra và đối với em là lý tưởng, để cho em có với anh một kỷ niệm tuyệt vời trước khi đi xa thật xa, cũng như cho anh có một kỷ niệm của chúng mình để nghĩ đến ở một nơi heo hút gió nào đó sau những ngày ở quân trường ; đồng thời, cùng với ý nghĩ trên, em lại cũng muốn sống với anh để giải tỏa phần nào những ần ứ trong em trước một mối tình chưa một lời được ngỏ. Hai người yêu nhau dù chưa nói và dù những câu chuyện thuộc đủ loại đề tài đã được đề cập đến, sống trong một căn phòng nhỏ, phía trước là cửa sổ ngó ra mặt biển và buổi chiều, và một chút rượu, một chút can đảm... Dù vậy, mình đã không thực hiện. Em sợ. Không thể hiểu vì sao. Dường như hình ảnh của anh quá đẹp đối với em. Dường như nếp sống của một y sĩ điều độ trầm tĩnh và nặng suy tư của anh quá lý tưởng đối với em. Đến độ em nghĩ chắc gì anh có những đòi hỏi bình thường của một con đực trước một con cái, hay có chăng chỉ là một việc làm có tính cách vệ sinh, để giữ thăng bằng cho cuộc sống sinh lý. Và điều đó em lại không chấp nhận được, nhất là với anh, người em yêu.

« Và em đã ra đây một mình, vẫn với ý tưởng — hết sức tinh thần — là em ra đây với anh, là em đang nằm dài trên cát với anh, đang cùng giỡn sóng với anh, đang cùng tắm nước ngọt với anh, đang cùng băng qua khoảng sân khách sạn có những tàn cây bàng vĩ đại với anh, đang đợi anh lấy chìa khóa phòng ở bàn quản lý, đang cùng bước lên cầu thang với anh, đang cùng vào phòng với anh

— căn phòng tuần trắng mặt hai đứa mình —, đang cùng với anh ngắm cảnh hoàng hôn trên bãi biển, đang cùng nói chuyện với anh và cuối cùng yêu anh và được anh yêu đề rồi ngủ trong vòng tay anh...

« Ba ngày như vậy, đủ cho em. Em xếp đồ đạc theo bà đi về ở chung với bà trong một nếp nhà cổ có vườn vây xung quanh... Với hình ảnh anh vương vất trên tóc, trên mắt, trên má, trên vai, trên thân thể con-gái-đàn-bà và trong tâm trí em. Anh đã chiếm ngự em hoàn toàn rồi đó. Tình yêu anh đã chiếm ngự em trọn vẹn rồi đó. Dù là một thứ tình thâm lặng, tình không nộ hôn, tình không chần gối. Nhưng bền chặt và em tin như vậy... »



Căn nhà của người đi là một ngôi nhà cổ, mái ngói đỏ. Xung quanh nhà là một vườn cây trái, nhưng tôi không hiểu vì lý do gì (có lẽ là thiếu nhân công), vườn đó không được chăm sóc nên cũng không gây được huê lợi nào đáng kể. Di tôi sống một mình. Có người con gái duy nhất, chị tôi, đã đi lấy chồng và làm ăn ở thành phố. Nghe đâu cũng khá giả nên thường cung cấp cho bà mỗi tháng. Nhưng di tôi không thích sống trong sự cung cấp đó, nên di cho du khách mượn bớt những phòng trống trong nhà. Chỉ những người thích yên tĩnh và có ý định nghỉ lâu tại đây mới tìm đến đây mượn phòng ở. Khách mượn phòng thường là do người họ mách người kia kéo đến.

Tôi ít gặp mặt di tôi. Tôi nhớ lần cuối cùng bà ghé thăm chúng tôi với một giỏ đầy ắp trái cây, lúc đó tôi mới mười sáu, mười bảy tuổi. Cũng đến gần mười năm rồi. Rồi kể từ đó, bất luận. Cha tôi không mấy thích di tôi vì bà bướng bỉnh, ưa chống đối ông và chê ông là thứ đàn ông vô tri thức. Ông cấm vợ con nhắc đến tên bà, nhất là bọn chị em gái tôi, vì ông bảo bà có một dĩ vãng không đẹp. Ở thời đại bà, nhờ chút ít học thức, theo lời mẹ tôi kể lại, bà bị các cụ liệt vào hạng con gái tàn thời. Rồi bà yêu một người con trai không do gia đình chọn, bà vẫn cứ lấy dù bị gia đình từ. Khi bà sinh được chị tôi, người chồng đi theo kháng chiến và mất tích luôn. Bà đem chị tôi vào Nam sinh sống, lấy một người Tàu lai. Kết quả ông này cũng chết nốt và để lại cho bà một căn nhà, căn nhà bà đang ở hiện nay.

Hôm đầu tôi về nhà, bà bảo tôi :

— Tao cũng có nhà cho thuê, sao mày không đến ở mà lại đi thuê ở ngoài khách sạn làm gì ? Ở thời tao, tao cũng tàn thời lắm, nhưng đâu dám như tụi bây bây giờ ! Ngay như vào tiệm phở một mình, cũng chẳng dám, phải rủ bạn bè cùng đi.

Tôi đáp :

— Tại cháu không nhớ nhà đi. Đạo mẹ ra đây nghĩ mát còn nhỏ quá, làm sao nhớ được. Di nhận ra cháu, kể cũng hay thật.

— Mày giống y như con mẹ mày đạo trẻ, sao tao lại không nhận ra. Tao già, chứ trí óc còn sáng lắm. Không ngờ thằng bố mày « tầy nảo » chúng mày hay thật ! Nhưng sao mày ra đây có một mình ?

Tôi cười :

— Thi đi vừa chẳng kêu ầm lên là sao cháu dám ra đây thuê phòng ở với một người đàn ông chưa phải là chồng cháu và đi cho như vậy là liêu, sao bây giờ đi còn hỏi cháu câu đó ?

— Tại tao tưởng mày nói thật. Mà sao mày phải nói dối tao ?

Tôi không đáp. Tôi nghĩ đến Kha. Tôi không muốn giải thích với ai cả về chuyện đó, về những ý nghĩ tôi có trong đầu, về những tưởng tượng tôi nuôi dưỡng, ôm ấp, về niềm cô đơn đến gần như một khoái lạc tôi đang hưởng thụ. Dù cho đến cả Kha nữa, anh cũng chẳng bao giờ biết được đến những điều đó đâu.

Tôi chiếm một căn phòng có cửa sổ ngó ra ngọn núi trên đó có một ngôi chùa mái đỏ tường trắng dường như cũng mới được cất gần đây. Căn phòng nhỏ, tất cả bằng ván — vách ván, sàn ván, trần ván —, nhưng là một thứ ván đã lâu đời. Tôi nhớ hôm đầu tiên đến đây, tôi xuýt ngã khi bước lên cầu thang vì gót giày đạp nhầm một chỗ ván mọt. Di tôi theo sau, chép miệng :

— Ấy, con chị mày cứ bảo để vợ chồng nó về xây lại nhà cho tao, tao cứ lẩn tránh mãi ; Tao bảo còn ở được thì xây làm gì cho tốn kém. Đề khi nào tao chết, căn nhà này thuộc về chúng, chúng nó muốn rời đi hay làm gì thì làm. Tao quen với không khí ở nhà này. Bây giờ xây lại, lại cần một thời gian nữa để làm quen, tao không đợi được.

Trên lầu gồm bốn phòng, bọc xung quanh một phòng khách. Chỉ có hai phòng ở phía trước và phòng khách có cửa thông ra ban-công. Không có phòng tắm trên lầu vì nhà dựng từ lâu, tôi không rõ từ hồi nào, và có lẽ thời đó, người ta chưa nghĩ nhiều đến tiện nghi như bây giờ. Dưới nhà cũng tương tự như vậy, duy có thêm một cửa phía sau thông ra một mái hiên chạy dài xuống dãy nhà bếp, nhà tắm, cầu tiêu v.v... Tóm lại, lối vẽ họa đồ của tòa nhà không có gì là đặc sắc, thú vị cả, nhưng sạch sẽ, ngăn nắp và yên tĩnh.

Khi tôi đến, có hai người đàn ông thuê phòng trên lầu. Một người có lẽ là văn sĩ vì đêm đêm tôi nghe có tiếng máy chữ gõ lóc cóc. Hắn còn trẻ, trạc độ ngoài ba mươi, đôi mắt sáng quắc, nét mặt khắc khổ, làm lì, ít nói. Hắn ở căn phòng đối diện với phòng tôi và cũng có một cửa thông ra ngoài ban-công. Hoặc là hắn ở trong phòng, hoặc là hắn đi ra ngoài. Tôi ít gặp hắn đứng ngoài ban-công. Một người đàn ông khác thuê phòng ở phía trong có dáng dấp một dân chạy áp-phe, nhưng cặp kính cận thị của hắn lại làm cho hắn có vẻ một nhà trí thức mò phạm. Hắn trạc độ bốn mươi. Dưới nhà có một gia đình thuê hai phòng một lúc gồm hai vợ chồng và năm đứa con tuổi từ hai đến chín, với một chị người làm. Bọn nhỏ có nước da sạm đi vì nắng và gió biển. Bà đi tôi ở một căn phòng dưới nhà. Bà bảo tôi :

— Bọn nhỏ, có chúng cũng vui, nhưng nhiều khi chúng làm ồn quá, nhất là mấy đứa con trai. Chẳng các cậu ra đây sung sức mà !

Một căn phòng trên lầu và căn phòng dưới nhà bỏ trống.

Mỗi sáng tôi thức dậy khi nghe thấy tiếng gõ mõ tụng kinh của bà đi ; và khi tiếng chim bắt đầu riu rít trên những ngọn ổi, cảnh măng cầu ngoài vườn, tiếng gõ mõ tụng kinh dứt và trời vừa sáng bên ngoài. Những tia nắng đầu tiên trong ngày chiếu xiên xiên trên vạt vạt, xuyên qua những kẽ cây, chùm lá. Tôi nhận thấy tia nắng sớm ở thành phố thường đối với tôi đã trong lành, đã có mãnh lực kích thích nhiệt tâm của một tâm hồn đam mê nhưng cũng nhiều mệt mỏi như tôi ; nhưng ở đây, nắng sớm còn trong lành hơn nữa, song ngược lại tôi cảm thấy tâm hồn êm ả, thoải mái. Tôi thấy thêm đi xuống bãi, thêm đi tung tăng, thêm nghe tiếng sóng và nhìn những khuôn mặt người ta xuống bãi buổi sớm,

như khi ở thành phố, mỗi buổi sáng, tôi thích đi ra đường, nhìn sinh hoạt phố phường chưa nhuộm mỗi một cửa một ngày vất vả, oi nồng, và tôi thích ngồi ở một quán cà-phê đối diện với một con đường lớn với những cửa tiệm trang hoàng theo lối mới nằm dưới một dãy nhà còn nguyên những chiếc cửa sổ những bức tường cổ, và đối diện với một con đường nhỏ với những cửa hàng bán đồ cổ còn khép kín cửa. Những lúc tôi rời tiệm cà-phê đi làm việc cũng là lúc mà những cửa tiệm đối diện kia bắt đầu sinh hoạt như một cô gái đài các sống bằng thứ lợi tức sẵn có của gia đình. Tôi yêu những buổi sáng vì vậy.

Tôi thường trở dậy khi bà đi dứt tiếng mõ câu kinh ở dưới nhà. Đôi khi tôi nằm nán lại trên giường nhìn lớp sương mù còn vương vất trong cảm giác thắm lạnh ở ngọn núi bên kia khung cửa sổ. Tôi nghĩ đến Kha. Lúc này chàng đang làm gì và ở đâu. Tôi tần mẩn tự hỏi làm cách nào để mình biết được Kha cũng đang nghĩ đến tôi. Có lẽ Kha đã lên đường. Tôi nhớ Kha và bằng lòng với nỗi nhớ ấy. Tôi thầm nói với Kha : Anh không phải là người đầu tiên nhưng hẳn anh phải là người cuối cùng với tất cả những gì còn nguyên vẹn. Bởi vì tình chúng ta, trước khi lên đến tột đỉnh, đã kịp hóa thành mây giăng giăng trong không gian đời em...

Tôi khép mắt lại, tưởng như có một nụ hôn nào đó đang đậu xuống môi, xuống mắt, xuống thân thể, xuống tâm hồn mình.



Di tôi vừa khuấy bột trộn với trứng gà vừa hỏi, không nhìn tôi :

— Năm nay mày bao nhiêu rồi ?

— Hai mươi sáu.

— Vậy mà chưa lấy chồng còn đợi gì ? Bây giờ con gái có công ăn việc làm như chúng mày, thường lấy chồng trẻ. Có phải vì chúng mày thấy là có thể tự nuôi sống lấy thân nên không cần nhờ người đàn ông không ?

Rồi không đợi tôi trả lời, bà tiếp ngay :

— Mà nói cho cùng, bọn con trai bị gọi đi lính, có lấy vào, chờ đợi cũng tội lắm. Chồng đi đánh trận về, nguyên lành là phúc

bảy mươi đời ; chết, thì cũng còn tạm tạm, sau một thời gian người ngoài, còn tái giá được ; chứ mà nó dẫn xác về thiếu cái chân hay cái tay hay đui chột, mới là khổ. Bỏ thì thương, vương thì tội. Ấy là chưa kể cảnh thằng chồng nằm đó, hay kiếm tiền không bằng con vợ, rồi sinh ra cảnh tự ái chàng, mới là thảm.

Tôi ngồi chống tay xem bà làm bánh, nghe bà nói, không khỏi bật cười và nghe chua xót thế nào. Di tôi nói tiếp :

— Mà làm đàn bà không lấy chồng cũng không xong ! Khổ vậy.

Tôi ghéch mắt nhìn bà đi, hỏi giọng nghịch ngợm :

— Thế đi cho là làm đàn bà thì bắt buộc phải lấy chồng sao ?

— Chứ sao nữa ! Chứ mày muốn cái gì ? Sống đề làm bà cô à ? Bây giờ cô còn trẻ, còn nhan sắc, cô thấy chưa cần. Nhưng rồi đến một tuổi nào đó rồi cô sẽ thấy không chịu được, cho mà xem. Cứ thử đi, rồi sẽ thấy ! Khi người chồng trước của đi mất tích, đi tưởng có thể sống chờ chồng được. Đạo ấy đi mới hai-mươi-năm tuổi. Bằng mày bây giờ. Một năm, hai năm, rồi năm năm... Mày không thể tưởng tượng được sự chờ đợi nó ghê sợ như thế nào, nó dài dặc, nó khắc khoải như thế nào... Rồi xảy ra vụ di cư. Mãi áp ngày tiếp thu Hải-phòng, đi mới lên đường vào Nam, nhưng cũng cố nhả những bạn bè bà con ở lại, là nếu gặp lại chủ mày thì nhả lại giùm đi vẫn đợi, vẫn mong và di hy vọng năm 1956 sẽ có tổng tuyển cử, cũng như di vẫn hy vọng chủ mày còn sống. Rồi 1956 qua. Di tuyệt vọng hoàn toàn...

Di tôi bỏ lửng câu chuyện, đi vào bếp xem xét lại lò than. Một lúc sau bà trở ra chỗ tôi ngồi.

Tôi nói, mắt nhìn xuống những vỏ trứng vờ bỏ rải rác trên bàn :

— Đôi khi cháu tiếc không được làm con của di.

— Gia đình mày bây giờ ra sao ? Mày ra đây rồi bố mẹ mày nói sao ?

— Vầy vậy. Thực ra, bây giờ, cháu muốn nói từ hai năm trở lại đây, cháu ít bị chi phối bởi những chuyện xảy ra trong nhà. Cháu đi làm, đem tiền về giúp mẹ cháu chút đỉnh, nhất là đề bà thỉnh thoảng có tiền gửi riêng cho các em cháu đi lính ở xa

vốn bị bố cháu ghét bỏ. Cháu đi thế này, cháu chỉ bảo với mẹ cháu là cháu đi công tác ít bữa. Bố cháu cũng chẳng nói được gì bây giờ. Gia đình cháu thế nào, thì di biết đấy. Bố mẹ cháu vẫn không ăn ý, từ hồi nào đến giờ, nhưng vẫn gắng sống với nhau. Đôi lúc cháu muốn đi thuê một căn phòng sống một mình cho đỡ mệt đầu, nhưng vì nghĩ đến mẹ cháu bây giờ đã già lại bệnh hoạn... Suy nghĩ về cuộc hôn nhân của bố mẹ cháu, nên cháu vẫn do dự trong việc lấy chồng, vì vậy. Cháu có cảm tưởng ngày trước và ngay cả bây giờ, người ta vẫn quan niệm hôn nhân như một cái gì tự nhiên, có tính cách bản năng nhiều. Nhưng cháu, cháu cho là cần phải có một sự giáo dục về hôn nhân, để cho những đứa con về sau này không cảm thấy chúng nó là kẻ lạ trong chính gia đình mình. Đâu phải cứ yêu nhau là phải lấy nhau, phải sống với nhau... Tại sao thường những người yêu nhau lại muốn lấy nhau ? Chỉ vì họ muốn giữ nhau làm của riêng — đó là một thứ ảo tưởng về quyền tư hữu.

— Mày phức tạp quá ! Nghĩ lăm chĩ tổ khổ. Rồi đến khi « người ta lấy hết chồng mộng mà gào » đấy, con ạ.

Tôi phá lên cười. Và tôi thầm nhủ tôi có đang tự biện minh về trường hợp Kha và tôi không ?

Di tôi đột nhiên hỏi :

— Mày yêu ai chưa ? Nói thử tao nghe cái coi ?

Tôi đáp lững lờ :

— Thì cũng yêu đương lãng nhăng vậy thôi, chẳng có gì đáng kể cả...

Tôi bỏ lửng câu nói, nhưng tôi chợt ngồi thừ ra, hơi mỉm cười. Di tôi nhìn tôi, giọng hóm hỉnh :

— Mày đang yêu ai phải không ?

— Sao di tinh quá vậy ? Nhưng chẳng đi đến đâu cả.

— Tại sao ? Thằng đó ra sao ? Nó làm gì ? Năm nay bao nhiêu tuổi ?

— Di hỏi lý lịch người ta làm gì mà kỳ vậy ? Cháu đã bảo là chẳng đi đến đâu cả, di biết làm gì.

— Nhưng ít ra mày cũng phải cho tao biết tại sao chúng mày không định lấy nhau? Chẳng lẽ yêu nhau để chơi vậy thôi sao?

— Thực ra chưa có gì gọi là rõ ràng giữa chúng cháu cả, cháu yêu người ta, người ta yên cháu, nhưng chưa đứa nào nói với đứa nào về điều đó cả. Hắn sắp nhập ngũ, hắn muốn sống thật nhiều trước khi bó mình vào khuôn khổ gia đình. Còn cháu, cháu sắp đi xa, vả lại, cháu cảm thấy mình chưa muốn hy sinh cuộc sống tự do hiện tại. Cháu vẫn nghĩ, vẫn phân biệt giữa tình yêu và hôn nhân. Tình yêu phải là cái gì do con tim mình cảm được. Còn hôn nhân đòi hỏi sự suy nghĩ cân nhắc. Nếu căn bản hôn nhân đặt trên tình yêu, cháu e tình yêu sẽ có ngày bị mòn mỏi vì những bất đồng, những tật xấu mà khi yêu người ta không nhìn thấy được. Cháu ít chịu đựng được trước những điều đó — chẳng thà mình nhìn thấy trước tất cả, mình dự liệu trước tất cả... Khốn nỗi khi yêu, cháu chỉ nhìn thấy cái hay cái đẹp cái lý tưởng, do đó cháu sợ...

Bà di tôi thở dài rất nhẹ, nói:

— Tụi trẻ chúng mày bây giờ phức tạp quá, bày đặt quá. Yêu nhau, nhắm có thể lấy nhau được thì cứ lấy. Mày biết là ngày xưa vì yêu và nhất định lấy chú mày, mà tao bị ông bà ngoại từ đấy. Ai cân nhắc kỹ bằng ông bà ngày xưa khi gả mẹ mày cho bố mày. Bây giờ mày thấy cái hậu quả ra sao rồi chứ?

— Di hiểu nhầm chữ « cân nhắc » của cháu. Ngày xưa, mẹ cháu lấy bố cháu là do quyết định của ông bà, không cần biết bố mẹ cháu có hợp với nhau không, có thông cảm được với nhau không, có giúp đỡ được gì cho nhau không v.v... và nhất là có sự cảm phục quý trọng dành cho nhau không? Nhưng bây giờ chúng cháu có quyền chọn lựa và hoàn toàn chịu trách nhiệm về hạnh phúc của mình. Cháu vẫn yêu, nhưng không muốn bị tình yêu làm mất sự sáng suốt... Đành rằng khi yêu ai không muốn được sống chung với người yêu. Nhưng cứ nghĩ đến lúc tình yêu bị mòn mỏi với tháng năm sống chung, cháu sờ sờ thế nào. Ấy là chưa kể trong tình yêu còn có thể có sự hủy diệt lẫn nhau, bằng cách này hay cách khác...

— Mày nói cái gì tao không hiểu. Mày nói có vẻ kinh nghiệm,

từng trải lắm, làm như mày chưa yêu lần nào và chỉ đọc trong sách không.

Tôi bật cười. Tôi muốn nói một câu gì ngược lại với câu nói của bà di, nhưng tôi kìm hãm lại được. Tại sao tôi cứ cố giải thích? Thật kỳ cục. Sự bình tĩnh quá đáng thường che đậy một sự xáo trộn khủng khiếp nội tâm. Tôi quá nhiều kiêu hãnh để dám nói thẳng điều đó với bất cứ ai.

« Miền Biển, ngày 10-4.

« Anh,

« Thế là em chịu thua với chính em rồi đó. Hơn một lần đối diện với anh, em muốn hỏi anh câu: « Liệu em có thể đem lại hạnh phúc cho anh? », nhưng em không đủ can đảm, vì lẽ mệnh đề trước chưa được anh nói ra, em đâu có quyền gì nói tới mệnh đề sau? Chúng mình vẫn cứ bàn quanh những chuyện thời cuộc, sinh hoạt xung quanh, về những người bạn của chung cả hai đứa, như hai người bạn — hẳn nhiên là em cũng thích như vậy và em vẫn tin là chỉ có tình bạn là vững bền —, nhưng làm sao tránh được niềm chua xót sau khi giã từ anh ra về. Em còn nhớ lần cuối cùng gặp anh tại nhà, em đã hỏi anh nghĩ gì về hôn nhân. Anh bảo chưa nghĩ gì cả, đợi sống một thời gian trong quân đội đã rồi về tính. Như một người chỉ huy một đoàn quân cố gắng đánh chiếm một cái đồn địch, áp dụng chiến thuật này rồi chiến thuật kia, nhưng đến khi vào đến trong đồn mới hay là đồn bỏ hoang. Viên chỉ huy này quả là tôi, thế mà cứ tưởng mình ghê gớm lắm! Tự nhiên, em liên tưởng tới hai nhân vật trong phim « L'été et l'automne » và câu ví von của nàng Alma về hai kẻ cùng đến thăm nhau một lúc và không ai gặp ai ở nhà. Kết cục của cuốn phim làm em xót xa cho chúng mình. Tại sao vậy anh? Ba năm quen biết với anh, cảm phục anh, quý mến rồi yêu anh, cái tình yêu đứt quãng và day dứt. Đôi khi thấy mình thật vô lý, thật ngớ ngẩn. Và em lý luận, phân tích để có dịp dứt khoát với lòng mình... Em biết anh yêu em. Nhưng vì nhiều lý do anh không muốn bộc lộ. Còn em, với bản chất đam mê và chỉ nghĩ đến chiếm đoạt, dù trong một khoảng thời gian nào đó, cái ngôi vị của một kẻ được sủng ái. Em đã từng hành

động như vậy ; nhưng lần này với anh, em sợ. Em quá trọng anh, do đó bắt buộc phải tự trọng. Và có lẽ em bắt đầu thấy mình sắp sửa không còn có thể yêu một cách thơ mộng như thời gian trước đây nữa chẳng, nên em sợ, sợ sẽ làm vỡ một mối tình mà em vẫn cho là đẹp là thơ mộng như mối tình đầu của em cách đây bảy, tám năm, với một gã con trai mang những đặc tính khá giống anh bây giờ... »

Hắn có lối nói chuyện hay bỏ lửng câu, như người vẽ những hình trên cát, trước khi hoàn tất, vội xóa bỏ. Nhiều lần hắn tiếp tục nói trong cổ họng, tôi không nghe rõ gì hết. Hắn có vẻ mặt nặng nề của pho tượng « Triết nhân » của điêu khắc gia Rodin.

— Nghe đâu bà ta điên vì đã làm cho một người điên vì bà ấy...

Tôi rũ rũ mở tóc ướt và bết vì muối biển, chợt ngừng tay lại :

— Thế nghĩa là làm sao ?

— Theo lời những người biết chuyện kể lại thì bà ta hối hận nên hóa điên. Tôi thì tôi nghĩ khác...

Hắn rút trong túi ra bao thuốc lá gần xẹp lép, cong queo, moi ra một điếu thuốc vuốt nhẹ giữa những ngón tay dài, rồi quẹt lửa châm hút. Tôi chờ cho hắn tiếp tục câu chuyện, nhưng hắn im lặng hút thuốc.

— Thế theo ông thì tại sao bà ta điên ?

— Tại bà ta yêu người con trai đã điên vì bà ta. Anh ta vốn là một thầy tu xuất.

Lối nói chuyện của hắn như vậy, từng câu từng câu đứt khúc. Có lẽ người đối thoại mà thôi không hỏi nữa, hắn cũng sẽ im luôn.

— Tại sao lại tu xuất ?

— Chắc tại một lý do nào đó, nhưng dường như hắn mang cái bệnh ghê tởm đàn bà. Do một cái ấn tượng nào đó từ độ mới lớn. Hắn xin đi tu, rồi xuất. Hắn dường như chỉ đọc sách suốt ngày. Khi đến đây nghỉ mát, bà ta là một thiếu nữ có học, đã sống và biết đời nhiều. Hai người gặp nhau, nói chuyện xem ra hợp lắm. Dường như họ yêu nhau bằng tình yêu nặng tình thần. Nhưng người con gái thích có một mối tình trọn vẹn hơn,

gồm cả thể xác lẫn tinh thần, hay cũng có thể nàng muốn chấm dứt cái lối yêu đương theo kiểu tình thần lảm nhảm này, nên nàng đòi hỏi. Nàng hy vọng nàng sẽ chấm dứt được nỗi day dứt sau khi gần gũi con trai. Sau khi trao đổi cái hôn đầu với nàng, gã con trai bỗng kinh hoàng. Hắn bỏ đi biệt. Cái ấn tượng khủng khiếp thuở mới bước vào tuổi dậy thì trở lại với hắn. Hắn hóa điên. Còn nàng, nàng hối hận, rồi lẫn trong niềm hối hận đó, nàng thấy nàng yêu gã con trai thật. Bị dẫn dắt, nàng hóa điên luôn.

Hắn nói như đang kể câu chuyện của chính mình. Hắn có vẻ say sưa. Hắn ngừng nói, búng điếu thuốc ra xa. Đột nhiên, giữa sự im lặng, hắn cười lớn rồi hỏi tôi :

— Cô tin như vậy không ?

Rồi không đợi tôi trả lời, hắn tiếp :

— Tôi bịa ra đấy.

Tôi không đáp. Tôi hơi bực mình vì lối nói chuyện ngắt quãng và cái vẻ khinh thường ở hắn. Hắn tưởng hắn là văn sĩ rồi cứ việc tự cho phép mình làm ra vẻ khinh bạc chắc. Dường như đọc được ý nghĩ của tôi, hắn nói giọng nhỏ nhẹ, gần như tâm sự :

— Tôi không phải là văn sĩ đâu. Tiếng máy chữ mà cô nghe lóc cóc ban đêm là tiếng máy chữ thu băng đó mà. Hắn là cô phải phân biệt được tiếng máy chữ thật với tiếng máy chữ thu băng chứ ? Nó chỉ có ý nghĩa như tiếng gõ mõ của bà cụ chủ nhà mỗi sáng sớm thôi, ấy mà. Tôi dùng tiếng máy chữ để tự ru ngủ đấy. Ngày xưa, khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi làm thư ký đánh máy cho một hãng buôn. Tiền lương không đủ nuôi tôi nên mẹ tôi lãnh đồ người ta đặt đánh máy về đánh ban đêm ở nhà. Lúc đó tôi mới bốn, năm tuổi, chỉ muốn mẹ lên giường nằm cùng với mình và kể chuyện cho nghe. Mẹ tôi dỗ tôi bằng câu chuyện thế này : « Ngày xưa ngày xưa có một cô bé chỉ ham nhảy múa, chẳng chịu học hành. Một hôm, một bà tiên hiện ra cho cô bé một đôi guốc gỗ thật đẹp, thật xinh. Cô bé đi guốc vào rồi tự nhiên guốc dính chặt vào chân và đôi guốc nhảy lung tung bắt buộc cô bé phải nhảy theo. Còn có biết cô bé nhảy thế nào không ? Cô bé nhảy như thế này này... » Và mẹ tôi ngồi vào bàn đánh máy sau khi bảo tôi nhắm mắt lại. Từ đó, quen lệ, tôi thường ngủ thiếp giữa tiếng máy chữ gõ lóc cóc lóc cóc. Đến khi bảy, tám tuổi, thỉnh

thoảng tôi còn bắt mẹ tôi kể lại chuyện đó cho nghe. Đến một lúc nào đó tôi không biết và có biết chắc cũng chẳng nhớ, tôi cần tiếng máy chữ để ru mình ngủ và cũng để tưởng nhớ đến mẹ tôi nữa. Nhà nghèo, mẹ phải làm việc khuya không có thì giờ hát ru con ngủ... Tôi sinh ra không có cha.

Hắn im lặng. Mắt nhìn ra mặt biển. Tôi thấy hắn có vẻ bất thường. Chợt ngạo mạn. Chợt thành thật. Chợt say sưa. Chợt phẫn nộ.



« Thành phố giữa mùa mưa, ngày 23-7.

« Anh,

« Thế cũng xong. Em viết lá thư cuối cùng này cho anh, để rồi không bao giờ viết nữa.

« Bây giờ em cảm thấy mình đủ, dù với một chút xót xa.

« Ngày mai, em sẽ lên đường với chồng ra miền biển nơi em đã đến sống với hình ảnh anh, ngủ với hình ảnh anh và cũng là nơi em đã gặp Tuấn. Sau những câu chuyện đôi trao, em nhận thấy Tuấn là người cô độc và chân thật. Câu chuyện cố nhiên không phải chỉ giản dị có vậy. Em thấy không cần thiết phải kể với anh nhiều vì chỉ làm bận anh thêm. Khi Tuấn ngỏ ý hỏi em làm vợ, em đã xin anh ấy một thời gian để suy nghĩ và cân nhắc. Tuấn thông cảm em hầu như trên mọi lãnh vực. Và nhất là dù hơn em đến gần mười tuổi, nhưng Tuấn cần em, đôi khi nhu cầu đó bộc lộ một cách thái quá khiến em có cảm tưởng như mình là một người mẹ. Người đàn bà thường làm cảm như vậy, nhất là người đàn bà ở em. Em sung sướng vì cảm thấy mình là một cần thiết đối với một người. Ít ra là như vậy. Trong khi đó em và Tuấn vẫn có thể cùng nhau bàn về những loại vấn đề mà em vẫn bàn với anh. Và Tuấn cũng đã từng giúp em những lúc tinh thần em căng thẳng, xuống dốc. Em ơn Tuấn.

« Bây giờ thì em hiểu. Anh và em quá độc lập, đối với nhau. Tinh thần anh vững vàng quá, hay cũng có thể đó là dưới cái nhìn của em. Em bất thường song lại tự ái trước sự vững vàng

của anh, nên cũng đóng bộ mặt độc lập với anh. Biết đâu, ngược lại, anh cũng cảm thấy thế? Và chúng ta cứ mãi cách biệt nhau. Em biết anh yêu em chứ. Bạn bè nói lại với em như vậy. Và linh tính đàn bà bảo với em như vậy.

« Nhưng thà như vậy còn hơn. Bởi vì em sợ một cuộc sống chung trong đó hai người cùng giữ miếng với nhau, không phải vì cố tình như vậy, mà vì hoàn cảnh, vì mặc cảm, vì không đủ can đảm nói hết, nói thật.

« Không, hôn nhân không thể như vậy được. Nó sẽ trở thành một thứ địa ngục. Nó sẽ chôn sống tình yêu. Nó sẽ làm chúng ta hủy diệt lẫn nhau. Nó sẽ chứa trong nó sự thất bại mà bố mẹ em đã lãnh và để bọn anh chị em em chịu mọi hậu quả.

« Sống với Tuấn, yêu quý và cảm phục Tuấn, giúp đỡ và đem lại cho Tuấn những gì mà em có thể đem lại được; nhưng em vẫn nghĩ về anh như người tình cuối cùng. Tình đó sẽ chẳng thể nhạt phai, mà chỉ có thể lắng xuống. Và em không cảm thấy em đã phản bội một ai, trong hai người, anh và Tuấn.

« Hôn anh nọ hôn đầu tiên và cuối cùng,

Em. »

TRUNG DƯƠNG

(4-1969)

TRẦN HỮU THỰC

đọc
MỘT CÁCH
BUỒN PHIỀN

của LÊ VĂN THIÊN



Làm thơ là vượt lên thực tại và hủy bỏ thực tại. Viết truyện cũng là vượt lên thực tại, nhưng không nhằm và không thể hủy bỏ thực tại. Khi viết, nhà văn phải thiết yếu gắn liền với những chất liệu của thực tại để từ đó thiết lập những tương quan với thực tại. Tác phẩm (truyện ngắn, truyện dài) biểu lộ tương quan đó, có thể là những tương quan thật tình cờ, có thể là những tương quan đã được sửa soạn, và cũng có thể là những tương quan mà chính người viết cũng không rõ nguồn gốc. Nói tương quan, nghĩa là nói người viết phải vượt bỏ mình hướng về thực tại — và do đó, khi ở trong tác phẩm, thực tại không còn là chính nó nữa, không còn ù lì, lù lù ở đó nữa. Thực tại và người viết cùng hòa trộn trong một khung cảnh hoàn toàn mới. Bởi thế mà tác phẩm không phải là mô phỏng thực tại — tác phẩm là một sáng tạo.

Một truyện ngắn là một công trình sáng tạo. Một truyện dài là một công trình sáng tạo. Những truyện ngắn khác

truyện dài. Không chỉ khác vì một bên là *ngắn* và một bên là *dài*. Truyện dài là một *câu chuyện*, có khởi đầu và có kết cuộc. Truyện dài trình bày đời sống với nhiều khuôn mặt, nhiều dáng vẻ, nhiều sắc thái. Nó đòi hỏi sự *kết cấu*, sự liên hệ giữa các khuôn mặt, các dáng vẻ, các sắc thái nhằm đưa đến một sự giải quyết cho câu chuyện. Trong khi đó, truyện ngắn trình bày những *hoàn cảnh vụn vặt* của đời sống. Những cái vụn vặt đó có thể bắt đầu bất cứ từ lúc nào, và trôi qua đi lúc nào. Chúng là những đoạn gãy khúc của đời sống toàn diện. Một tâm trạng, một khung cảnh, một nỗi xót xa, một thoáng buồn rầu... Truyện ngắn có thể chỉ như thế, nó không cần đòi hỏi phải mở đầu để nhằm đến một kết cuộc. Truyện ngắn cũng là một câu chuyện, nhưng một câu chuyện nhỏ — và đôi khi nó không có gì là một câu chuyện cả. Nhân vật trong truyện ngắn không cần phải được đặt một thời gian xác định, hay một hoàn cảnh xác định hay những liên hệ xác định nào đó như ở trong truyện dài. Trong truyện ngắn, người ta dễ dàng tìm thấy, cảm nhận được những mảnh vụn lý thú của đời sống — những mảnh vụn mà nhiều khi trong truyện dài, người đọc (cũng như người viết) quên đi vì mãi lưu ý đến *câu chuyện* với các gút thắt của nó. Chính vì thế mà truyện ngắn dễ đưa người đọc đến sự bất gặp trung thực những xúc động — không phải xúc động vì *cuộc đời của một nhân vật*, mà xúc động vì chính *đời sống* xét như là đời sống.

« Một cách buồn phiền » là tập truyện đầu tay của Lê Văn Thiên. Cũng như những người viết trẻ khác, Thiên đã khởi đầu nghiệp văn của mình bằng những truyện ngắn. « Một cách buồn phiền » gồm bảy truyện

ngắn (bảy mảnh vụn đời sống) đã được đăng tải rải rác trên tạp chí *Văn và Bách Khoa*. Tuy sống trong khung cảnh chiến tranh, và hơn nữa là một quân nhân, Thiện không hoàn toàn viết về chiến tranh. Một vài truyện dựng nên khung cảnh chiến tranh, và một vài truyện dựng nên những khung cảnh khác của khuôn mặt đời sống. Có những truyện, hình ảnh chiến tranh chỉ thoáng qua, không quan trọng. Những nhân vật trong truyện của Thiện đều có những tâm hồn giản dị, bình thường, không thắc mắc, cầu kỳ. Vì thế mà những tác động, những cử chỉ, những ý nghĩ của họ không tạo nên những hình ảnh nặng nề. Những nhân vật sống sát trong thực tế, tầm thường, dễ thương. Những niềm vui đến với họ thật nhẹ nhàng. Và cả nỗi buồn vây bủa họ cũng không gây nên những cảm tưởng quá thâm thẳm.

Có thể sau đó niềm vui và nỗi buồn sẽ dần dà tạo nên trong tâm hồn những tác động sâu xa hơn, thấm thía hơn. Nhưng lúc đó, họ không kịp biết và không kịp cảm nhận như thế. Có thể vì cốt cách bình dị, họ đã nhìn ngắm đời sống một cách bình dị. Cũng có thể vì tâm hồn của họ tỏa ra trên một đời sống nhiều sắc thái, phong phú, nên một nỗi tuyệt vọng do một phần đời sống đem lại dễ bị tan loãng bên cạnh một phần đời sống khác. Mặt khác, khi người ta ít có những suy tưởng rắc rối, phức tạp về cuộc đời — do đó, ít tự cô lập mình vào trong một trạng huống, thì sự tuyệt vọng bớt lớn lao và bớt ám ảnh.

Thiện đã xây dựng những nhân vật trong tác phẩm như thế. Đồng thời, Thiện thường chấm dứt (có phần đột ngột) truyện của mình khi một biến cố bắt đầu xảy ra. Như trong *Ngoại lệ*, truyện chấm dứt khi đứa bé chết. Trong *Một cách buồn phiền*, truyện chấm dứt khi một anh chàng vừa chợt biết cô gái bán hàng hôm sau đi lấy chồng.

Suốt các truyện của anh, Thiện viết một cách bình thản, giản dị. Thiện viết bằng những *hình ảnh* chân thực, dễ dãi của đời sống chung quanh. Từ một người lính, một anh chàng dạy học, một người đàn bà, một kẻ ăn xin..., không ai cảm thấy bị bủa vây *một cách nặng nề* bởi các biến cố, biến cố nội tâm hay biến cố ở bên ngoài. Và do đó, nên ngay khi phải đối diện với một hoàn cảnh bi đát, nhân vật của Thiện cũng không đến nỗi nhìn ngắm đời sống thâm thẳm, méo mó đến độ tự đánh chìm mình trong những ám ảnh bệnh hoạn. Nỗi lo lắng, xao xuyến của nhân vật lúc nào cũng có vẻ chừng mực, tự nhiên. Trong *Ám thầm*, Thiện viết về khung cảnh đợi chờ cái chết của người cha của mấy chị em. Cô gái tên Đoan, tuy xao xuyến, sợ hãi về cơn bệnh « nặng quá sợ khó qua » của người cha, nhưng vẫn có những ý nghĩ ngồ ngộ.

« Đó là quãng ngày ba đi lính, hồi xa xưa. Đoan nhớ những buổi chiều ba dẫn tốp lính mới ra bãi sau luyện tập đi « ổn đơ, ổn đơ ». Ba mặc cái quần ka-ki vàng ống dài tới trên đầu gối, áo vàng ngắn tay, đội chiếc mũ thon thon như cái thuyền nan. Ba ngậm còi thổi từng chập, tốp lính bước đi rập rập coi lạ mắt. Ba làm xếp. Người ta kêu bằng thầy đội. Tuy lúc ấy còn nhỏ lắm nhưng Đoan vẫn nhớ được trong đồn huyện có nhiều ông Tây cao ngồng, đen thui và rất thương trẻ con ». (MCBP, trang 47-48).

Thiện viết về đời sống một cách gần gũi thân mật. Thiện không mô tả quá lâu lắt, dài dòng về trạng thái nội tâm của một nhân vật. Anh cũng ít mớm vào các nhân vật anh những suy tư sâu sắc, dai dẳng về hoàn cảnh chung quanh. Thiện viết bằng những *hình ảnh*, rõ ràng, dứt khoát — những gì mà anh *thấy, nghe, trực nhận*. Thiện rất ít lý luận trong tác phẩm của mình. Đọc anh, người

ta có cảm tưởng như đang được nghe anh kể lại những mẩu chuyện vụn vặt, tầm thường của cuộc sống. Những mẩu chuyện, nhiều khi, có vẻ chẳng có một ý nghĩa nào. Thực ra sự không-có-ý-nghĩa nào đó lại chính là một ý nghĩa. Mà ý nghĩa cao nhất của đời sống nằm ở trong những cái vụn vặt, tầm thường đó. Thiện không khoác lên các nhân vật trong tác phẩm anh những hoàn cảnh thật độc đáo, đặc biệt — anh cũng không khoác lên nhân vật những ý nghĩ triết lý thâm trầm, sâu sắc. Những câu đối thoại giữa các nhân vật đơn giản, thành thật. Có nhiều nhà văn thường có khuynh hướng chỉ viết lên những câu đối thoại nhiều ý nghĩa, chặt chẽ nhằm diễn tả một ý nghĩ, tư tưởng nào đó liên hệ đến ý hướng của câu chuyện. Thiện không thế. Những lời đối thoại trong tác phẩm Thiện rất sống, rất thực. Và người đọc, không cần tinh ý, cũng thấy rất rõ ràng trong các truyện ngắn của Thiện, phần đối thoại rất nhiều — Thiện đã viết những lời đối thoại gần như anh nghe, anh thấy.

« Một tốp năm người đàn bà gánh thùng mủng bước đi nhanh.

— Ý, ông địa ơi!

Một bà đâm bổ tới sát xe đạp. Mấy bà khác dừng lại.

— Ai đứng kỳ vậy?

— Dạ con.

Bà mặc áo dài đến nhìn tận mặt Kiên:

— À, thằng Kiên. Tưởng ai. » (Ngoại lệ, trang 11).

Một đoạn khác:

« Mấy hôm sau nó về nhà, mẹ nó gắt gỏng, hạch sách:

— Mấy ngày nay thằng nào, con nào chưa mày, hở thằng ôn kia?

— Không có ai chưa hết.

— Vậy mầy ăn cứt à?

— Tui lớn rồi tui làm tui ăn. » (Chợ tối, trang 36).

Những lời đối thoại ở văn Thiện đều có vẻ dễ dàng như thế. Đó là điểm đặc biệt nhất trong các truyện ngắn của Thiện. Và lối mô tả nhân vật, cử chỉ, mô tả khung cảnh của Thiện cũng có vẻ dễ dàng không kém. Ngôn ngữ dễ hiểu, hình ảnh sống động, cách diễn tả đơn giản, chân thật.

« Vợ chồng thằng Mau trông tội nghiệp lắm. Thằng chồng trông thấy nhưng không đi được, con vợ đi được lại mù tịt cả hai mắt. Nên, khi ăn xin, thằng chồng lết trước, con vợ lặn mò theo sau. Một sợi nhợ cột ngang hông thằng chồng nối liền với cánh tay con vợ đằng sau, là sợi tơ hồng gắn bó cuộc đời hai vợ chồng thằng ăn xin. » (Chợ tối, trang 32).

Một đoạn khác:

« Trời đất, hấn lại bắt qua một đề tài khác! Khang ngồi thẳng người dậy, nhìn hấn nói. Cái mặt trềng trệt, mặt bánh đúc. Hai môi mỏng dính, thứ môi đàn bà theo trợt, thóc mách, ăn hàng. Tên này ở đâu hiện ra vậy. » (Một lần chiến bại, trang 87).

Trong các tác phẩm của Thiện, ta cũng thấy thấp thoáng có hình ảnh chiến tranh. Có điều, qua ngòi bút của Thiện, chiến tranh như đã bớt phần thê thảm, cũng máu lửa, cũng chết chóc, cũng hành quân..., nhưng tất cả có vẻ chỉ như một hoạt cảnh trên sân khấu, đôi lúc chúng không khác chi một trò đùa. Thử đọc một đoạn ngắn trong « Chiếc Phao »:

« Đoàn quân tới khoảng giữa đồng trống thì chợt có tiếng súng từ trong làng bắn ra, đuổi theo sau lưng, chan

chất rit qua đầu. Thôi rồi, phải quay lại. Quay lại bằng võ lực. Vào tóm một chị, đánh mấy cái lòi ra một cây súng trường. Tóm một thằng bé, đánh nó, lòi ra một khẩu tiểu liên. Đánh thêm mấy cái biết là chồng chị đàn bà còn trong rừng. » (*Chiếc Phao*, trang 66).

Cái cảnh như thế có khác gì một trò đùa ! Nhưng là một trò đùa thê thảm. Trong văn Thiện, cái thê thảm không hiển hiện rõ ràng. Nó không dễ gây trong chúng ta những xúc động sâu xa đột ngột, nhất là đối với những ai chưa từng chứng kiến cái cảnh đó. Nhưng nếu chúng ta đã từng chứng kiến, bây giờ đọc văn của Thiện, chắc không khỏi chua xót, bùi ngùi.

Bảy truyện ngắn trong « *Một Cách Buồn Phiền* » là bảy câu chuyện nhỏ. Chúng cũng là bảy mảnh vụn của đời sống có thể được tìm thấy bất cứ đâu đó. Những nhân vật trong « MCBP » có thể là ai đó trong chúng ta và chung quanh chúng ta. Một anh giáo viên có đứa con chết một cách « ngoại lệ », người ăn xin với những kỷ niệm vui buồn, những chuyện tình vụn vặt... Thiện đã đưa người đọc vào một khung cảnh bình thường, đơn giản, thuần hậu — ở đó, mọi tác động đều chân thực, mọi ngôn ngữ đều dễ dàng, mọi ý nghĩ đều tự nhiên, ít cầu kỳ, khúc mắc. Thiện không chi li, phân tích tỉ mỉ từng nhân vật, từng hoàn cảnh. Anh chỉ vẽ phác những khuôn mặt của đời sống — đời sống mà cái đơn giản nhất, tầm thường nhất vẫn thường ẩn giấu những nội dung sâu xa, thấm thía nhất. Có lẽ vì thế mà khi mới đọc, người ta khó thấy ngay cái độc đáo trong văn Thiện. Phải chăng người ta thường dễ bị lôi cuốn bởi những truyện ngắn có những lời đối thoại triết lý, có những đoạn văn phân tích, mô tả dài dòng về tâm trạng, ý nghĩ của nhân vật ? Dù sao,

giá trị của một tác phẩm không hẳn chỉ hệ tại ở sự lôi cuốn tức thời đó.

Đọc văn Thiện, người ta bắt gặp những xúc động thật nhẹ nhàng, ngay cả những xúc động về những hình ảnh chiến tranh, có lẽ vì Thiện có một lối nhìn ngấm đời sống dễ dãi, tự nhiên, thân mật.

Trên đây là ý nghĩ của một người đọc đối với *Một Cách Buồn Phiền*, tác phẩm đầu tay của Lê Văn Thiện — một cây bút trẻ —, do cơ sở « Văn » giới thiệu. Là ý nghĩ nên tôi không nghĩ là tôi đã phê bình, hiểu như sự phê bình phải dựa trên một quan điểm nào đó làm nền tảng. Có thể Thiện đã không khỏi vấp vấp những khuyết điểm về kỹ thuật (lối diễn tả nhiều khi quá đơn giản và khô) cũng như văn Thiện đã không lột tả được trọn vẹn cái phong phú của đời sống — và do đó không đưa người đọc đến chỗ say sưa, thích thú như chính họ đã sống cái sống của nhân vật. Tuy nhiên, đòi hỏi quá nhiều ở một tác phẩm đầu tay (của một cây bút trẻ) cũng có phần quá đáng. Dù sao, Thiện không thể dừng lại, thoả mãn với MCBP. Anh có thể tiến xa hơn, phải tiến xa hơn trong những tác phẩm sau. Đó là ý nghĩ cuối cùng về MCBP, và qua đó, về Lê Văn Thiện.

TRẦN HỮU THỰC

(tháng 5.69)



HỘP THƯ BẠN ĐỌC

LƯU Ý BẠN ĐỌC :

Mọi liên lạc về trị sự, xin đề tên ông Nguyễn-đình Vượng, Bưu-chi-phiếu xin gửi về trường mục 19 42, Chánh-trung-khu Sài-gòn.

Mọi liên lạc về tòa-soạn, xin đề tên ông Trần Phong-Giao.

Giao thiệp trực tiếp, xin hỏi ông Gia-Tuấn.

Địa chỉ TÂN - VĂN : số 38 đường Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn. Điện-thoại : 23.595.

Nguyệt-san TÂN-VĂN rất hân hoan đón nhận phần đóng góp của quý bạn xa gần. Khi gửi bài, xin lưu ý giùm mấy điểm sau :

1.— Bài xin viết trên một mặt giấy, viết rõ ràng, hoặc đánh máy cách dòng đôi, càng tốt.

2.— Ngoài bút hiệu, xin ghi rõ trên bản thảo tên họ và địa chỉ rõ ràng của tác giả để tiện liên lạc khi cần.

3.— Xin ghi rõ xuất xứ những đoạn văn được trích dẫn (tên tác giả, tên sách, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, số trang của đoạn văn được trích dẫn). Những cuốn sách được dẫn trong bài cũng xin ghi rõ tên tác giả, nơi, nhà và năm xuất bản cuốn sách đó.

4. — Những cước chú đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi số liên tiếp cho toàn bài.

5. — Bài nào đã gửi đăng báo khác xin miễn gửi cho TÂN-VĂN. Bài đã gửi cho TÂN-VĂN, xin đợi kết quả tuyển chọn rồi hãy gửi cho báo khác.

6.— Muốn lấy lại bản thảo, xin ghi rõ trên bản thảo đề :

a) Yêu cầu tòa soạn *giữ lại* đợi tác giả sẽ tới tòa soạn lấy lại.

b) Gửi kèm đủ số tem thư để tòa soạn gửi trả lại bản thảo đó bằng bưu điện.

7. — Tòa soạn tùy nghi lựa chọn, sửa chữa, thêm bớt và xếp đặt các bài lai cảo, tùy theo kỹ thuật chuyên môn.

8. — Bài đăng TÂN-VĂN đều có nhuận bút, trả theo giá biểu riêng. Trường hợp tác giả muốn tự ấn định lấy số nhuận bút thì xin ghi rõ trên bản thảo.

BÁO ĐÓNG TẬP :

Ty trị sự VĂN đã cho phát hành khắp nơi tập I, và tập II trọn bộ của Đặc - san VĂN — Nghiên-cứu và Phê-bình Văn-học.

Tập I gồm 4 số, đóng bìa cứng gáy da, mạ vàng, giá 160 đồng.

Tập II gồm 3 số đóng bìa cứng gáy da, mạ vàng, giá 150 đồng.

Tại những nơi không có bán, bạn đọc có thể biên thư hỏi mua thẳng tại tòa báo. Bưu-phiếu đề tên ông Nguyễn-đình Vượng.

THƯ ĐI TIN LẠI :

● em Võ Luận, Khánh-hòa.

Sẽ giải đáp câu em hỏi về cô thi. Còn thắc mắc về Nguyễn Ánh, đề nghị em nên viết hỏi tập san Sĩ Địa thì thích hợp hơn. Địa chỉ : ông Nguyễn Nhã, chủ nhiệm tập san Sĩ Địa, số 221 đường Cộng - hòa, Sài-gòn.

● bạn Nguyễn Văn Mỹ, Mai-lộc.

Chân thành cảm ơn bạn và cầu chúc bạn thật nhiều may mắn. Đã phát hoàn bản thảo của bạn về địa chỉ quân sự. Thân ái.

● Anh Trần Văn Nam, Vĩnh-long.

Chân thành cảm ơn anh. Ngoài phần exposé, cần có cái gì khác của người đọc nữa chứ...

● bạn Lê Quang Vinh, Đà-nẵng.

Xin bạn chuyển ngay cho chúng tôi bức tranh (hay hình vẽ hay ? hình chụp một bức tượng ?) bạn nói lời trong thư đề ngày 12.4.1969, với mọi xuất xứ cần thiết, để chúng tôi có thể giải đáp thắc mắc của bạn được rành rẽ và thỏa đáng.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI :

Tòa soạn TÂN-VĂN vừa nhận được :

● DUY ÁI, Diên-sơn Võ Thanh Phước, Tác giả xuất bản tại Đà-nẵng. Sách dày 112 trang, không ghi giá bán.

Tác phẩm thứ tư của Diên-sơn Võ Thanh Phước là một tập tiểu luận triết lý.

Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc.

ĐÍNH CHÁNH

Trong TÂN VĂN số 12, tháng 4 năm 1969, bài « Sống và Chín » của Trần Thái Đình :

— Trang 45 dòng 3, in sai là « cũng không còn không nằng đề phôi ... ». Xin đọc là : « cũng không còn sợ không nằng đề phôi... »

— Trang 46, dòng 22, in sai là : « vì chỉ có đàn bà ». Xin sửa lại là : « vì chưa có đàn bà ».

Xin chân thành cáo lỗi cùng tác giả và mong bạn đọc vui lòng sửa lại giùm.

đón coi

TÂN - VĂN số 14

sẽ phát hành hạ tuần tháng 6.1969

TÂN-VĂN

trong những số tới :

NGUYỄN VĂN XUÂN, Sĩ-phu và truyền-thống
xuống đường • Phan Trần hay vấn đề luyện
ái quan trọng Phật-giáo — BÌNH-NGUYỄN
LỘC, Tiếng Tàu, tiếng Thuần Việt, tiếng Hán
Việt — TRẦN NGỌC NINH, Huyền-thoại Việt-
nam (*tiếp theo*) — ĐÀM QUANG THIỆN,
« Chinh-phụ ngâm » tác-phẩm Việt-ngữ —
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, Con đường Tề
Thiên — PHƯƠNG HOA SỬ, Hang Từ Thức —
LÃNG-NHÂN, Giải đáp thắc mắc bạn đọc.

TRONG KHÓI LỬA
KHÔNG THẺ KHÔNG ĐỌC :

CON CHIM TRỐN TUYẾT

truyện Paul GALLICO

bản dịch Trần Phong-Giao và Hoàng-Ứng
GIAO-ĐIỀM xuất bản

*một mối tình thanh cao thơ mộng
lồng trong tình yêu nghệ thuật quê hương đất nước*

Cơ-sở VĂN giới thiệu :

Một cách buồn phiền

tác phẩm đầu tay của LÊ VĂN THIỆN
tập truyện gồm 8 đoản thiên
bìa 3 màu của NGỌC-DŨNG
132 trang, giá 70 đồng

Lưu ý bạn đọc quân nhân :

Vi tác giả là một quân nhân, Cơ-sở VĂN sẽ dành
một số sách bán thẳng cho các bạn đọc quân nhân. Xin
gửi bưu phiếu 70 đồng, tên họ, đơn vị và KBC rõ ràng,
cho ông Nguyễn-đình Vượng. Sách sẽ được gửi thẳng tới
bạn, cước phí do nhà xuất bản trả.

VĂN-UYÊN

số 14. tháng 6-69

• một tác-giả:

MAI-THẢO

• một tác-phẩm :

NGƯỜI THẦY HỌC CŨ

TÂN VĂN số 13

tháng 5 năm 1969

TIÊU - LUẬN

TRẦN NGỌC NINH, Huyền thoại Việt-nam (tìm hiểu huyền-thoại dân-tộc qua huyền-thoại-học so sánh).

ĐÀO MỘNG NAM và NGUYỄN TIẾN VĂN, Thế chân vạc của ngôn ngữ văn tự Việt (*tiếp theo*).

TAM-ÍCH, Một vấn đề văn chương hiện đại : văn chương trắng, văn chương... vắng là văn chương gì ?

ĐÀM QUANG THIỆN, Nghiên cứu về « Chinh-phụ Ngâm » để làm bài giảng văn về toàn diện tác phẩm.

TRƯƠNG VĂN CHỈNH, Việt-ngữ có chính xác không ?

SÁNG - TÁC

DOÃN QUỐC SỸ, Sầu mây, *truyện dài*.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG, Nữ thần hôm qua, *thơ*.

TRÙNG DƯƠNG, Qua cơn nắng lửa, *truyện ngắn*.

ĐỌC SÁCH

TRẦN HỮU THỰC, đọc « Một cách buồn phiền ».